CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

MINH PHÚ
COMPANY

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊ
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../.....
ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN
X. THANH AN - T. ĐIỆN BIÊN

TẬP BẢN VẼ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHÁN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ ĐẦU TƯ: PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG MƯỜNG LAY

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

- ĐỊA CHỈ: BẢN LỌONG QUÂN–XÃ THANH AN–TỈNH ĐIỆN BIÊN
- ĐIỆN THOẠI: 0827.686.268
- GMAIL: CONGTYMPDBP@GMAIL.COM

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH

Tỷ lệ: X=1/1000

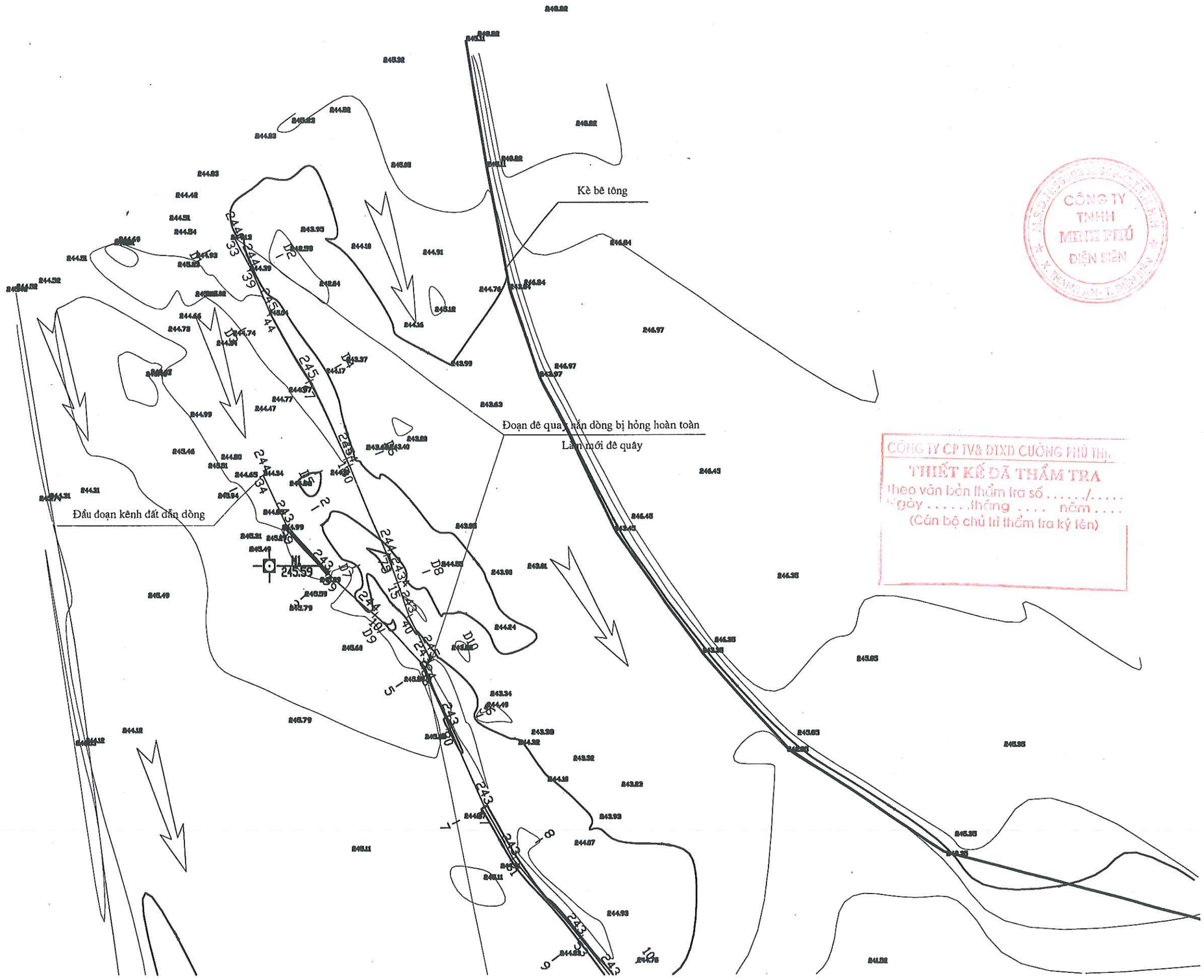

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỌ

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

theo văn bản thẩm tra số ...../.....

ngày .....tháng .... năm ....

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH

Tỷ lệ: X=1/1000

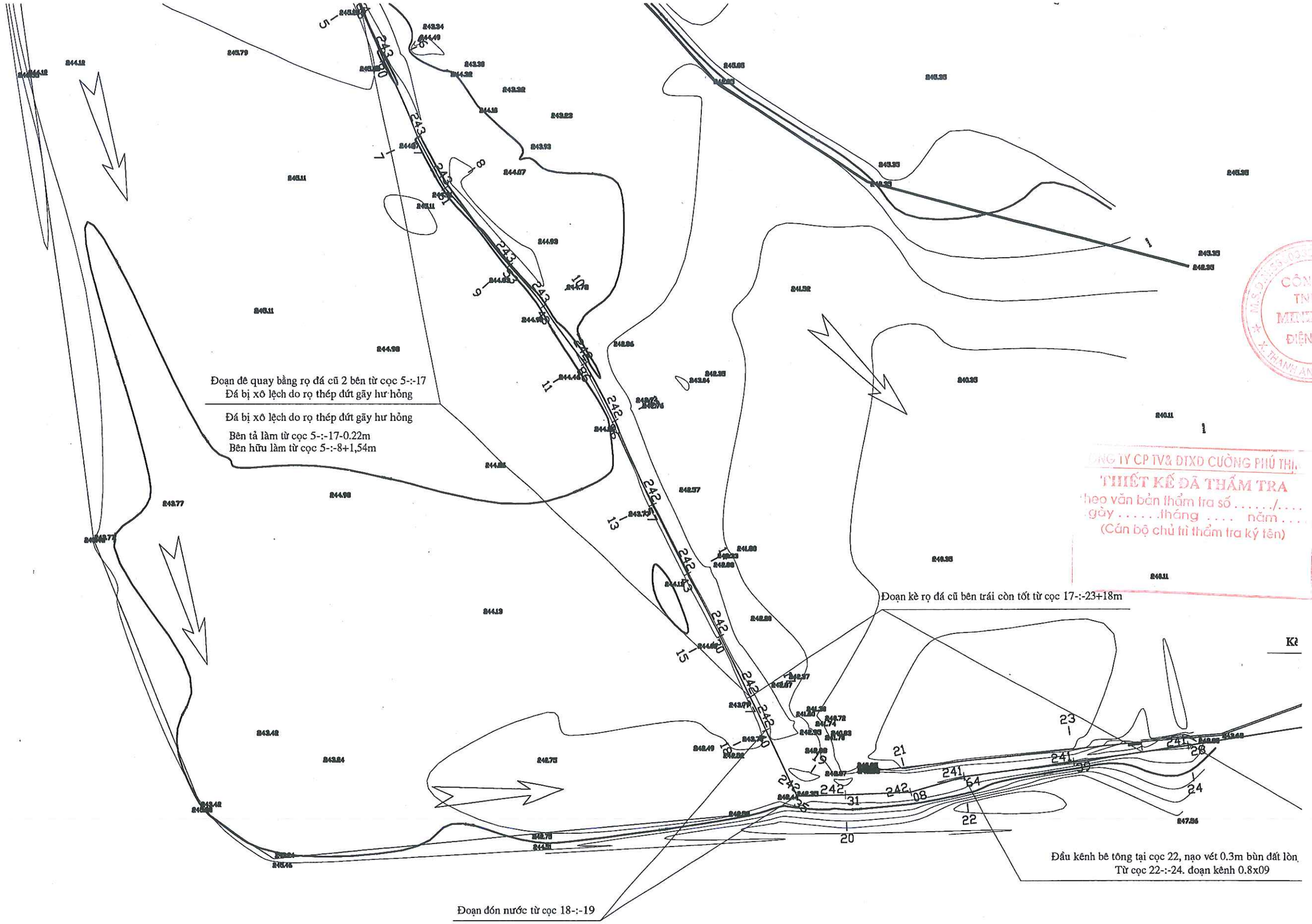

CÔNG TY TNHH MINH ĐIỀU ĐIỆN BIÊN

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊ

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

theo văn bản thẩm tra số ...../....

ngày .....tháng .... năm ...

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH

Tỷ lệ: X=1/1000

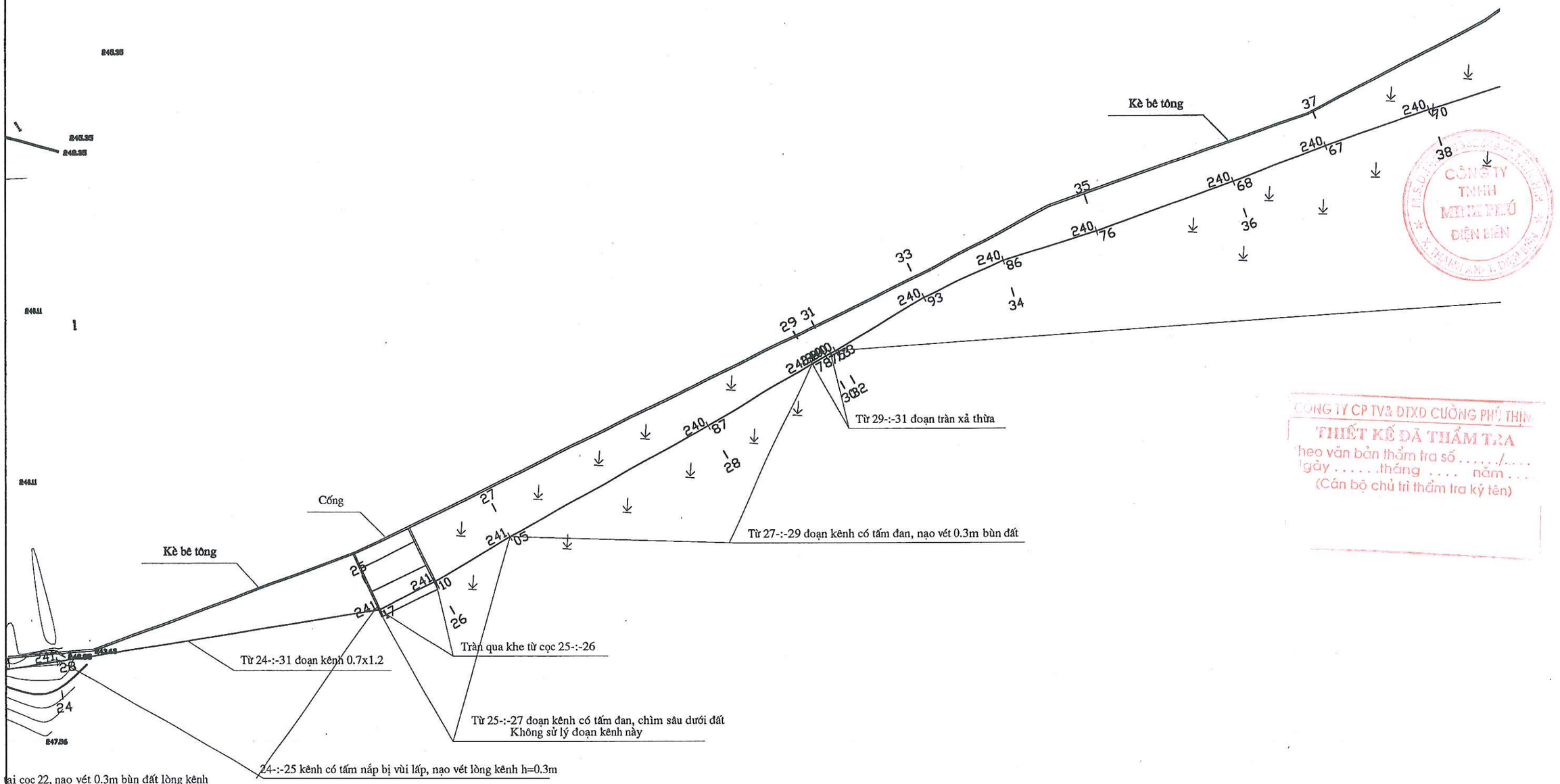

CÔNG TY TNHH MINH HIẾU ĐIỆN BIÊN

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../.....

Ngày .....tháng .... năm ...

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH

Tỷ lệ: X=1/1000

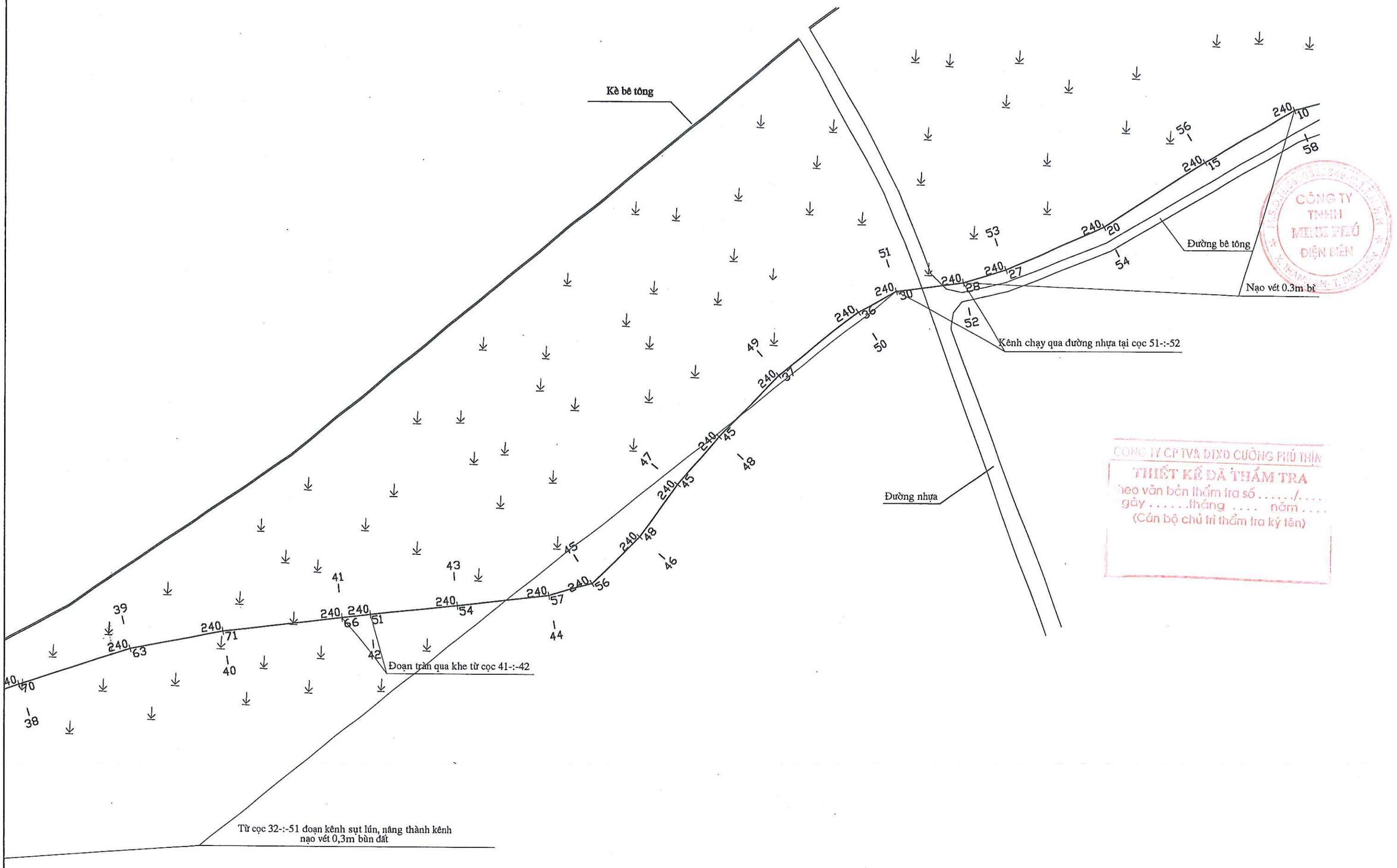

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../.....

ngày .....tháng .... năm ....

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH

Tỷ lệ: X=1/1000

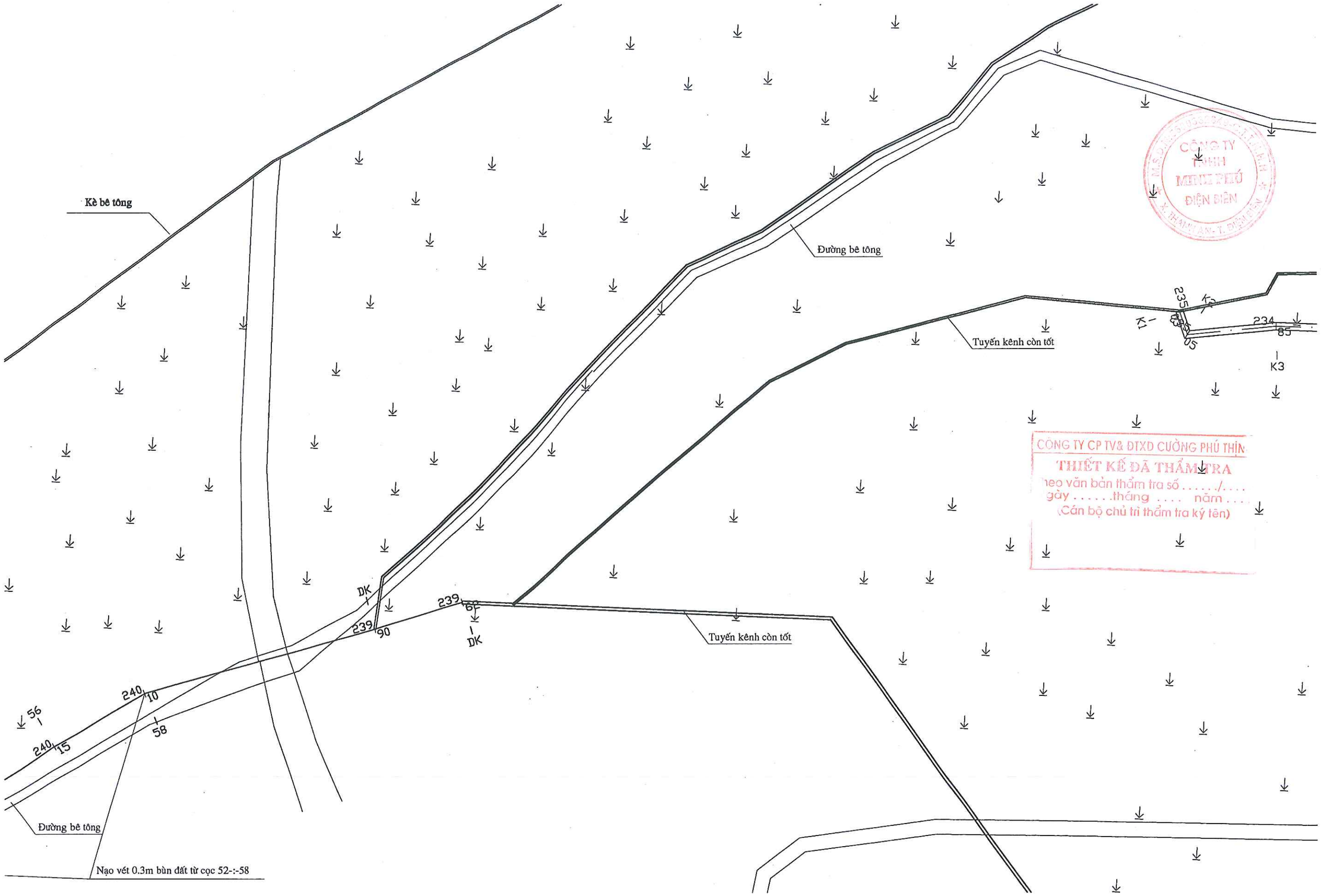

CÔNG TY TNHH MIỀN TÂY ĐIỆN BIÊN

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊN

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../....

ngày .....tháng .... năm ....

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH

Tỷ lệ: X=1/1000

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊN

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

heo văn bản thẩm tra số ...../....

gày .....tháng .... năm ....

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH

Tỷ lệ: X=1/1000

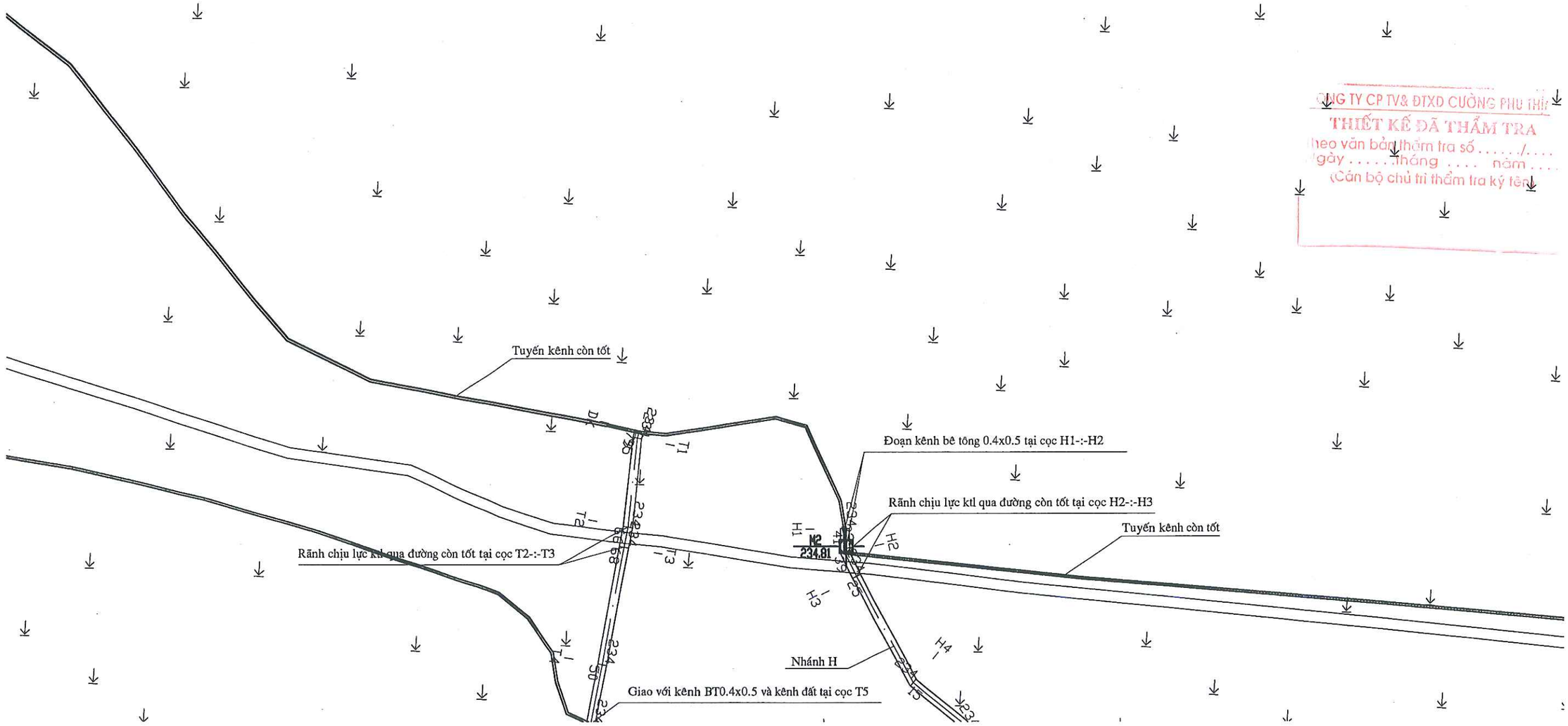

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHU THỊ

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../....

Ngày ....tháng .... năm ....

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH

Tỷ lệ: X=1/1000

Tuyến kênh còn tốt

Đoạn kênh bê tông 0.4x0.5 tại cọc H1-:-H2

Rãnh chịu lực ktl qua đường còn tốt tại cọc H2-:-H3

Tuyến kênh còn tốt

Rãnh chịu lực ktl qua đường còn tốt tại cọc T2-:-T3

Nhánh H

Giao với kênh BT0.4x0.5 và kênh đất tại cọc T5

Kênh đất

Nhánh T

Chia nước kênh đất tại cọc T8

Bể TN

Kênh đất

Bể TN

Bể TN

ờng còn tốt

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

CÔNG TY CP TV& ĐTXD ƯỜNG PHÚ THỊN

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số . . . . /. . . .

Ngày . . . . .tháng . . . . năm . . .

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH

Tỷ lệ: X=1/1000

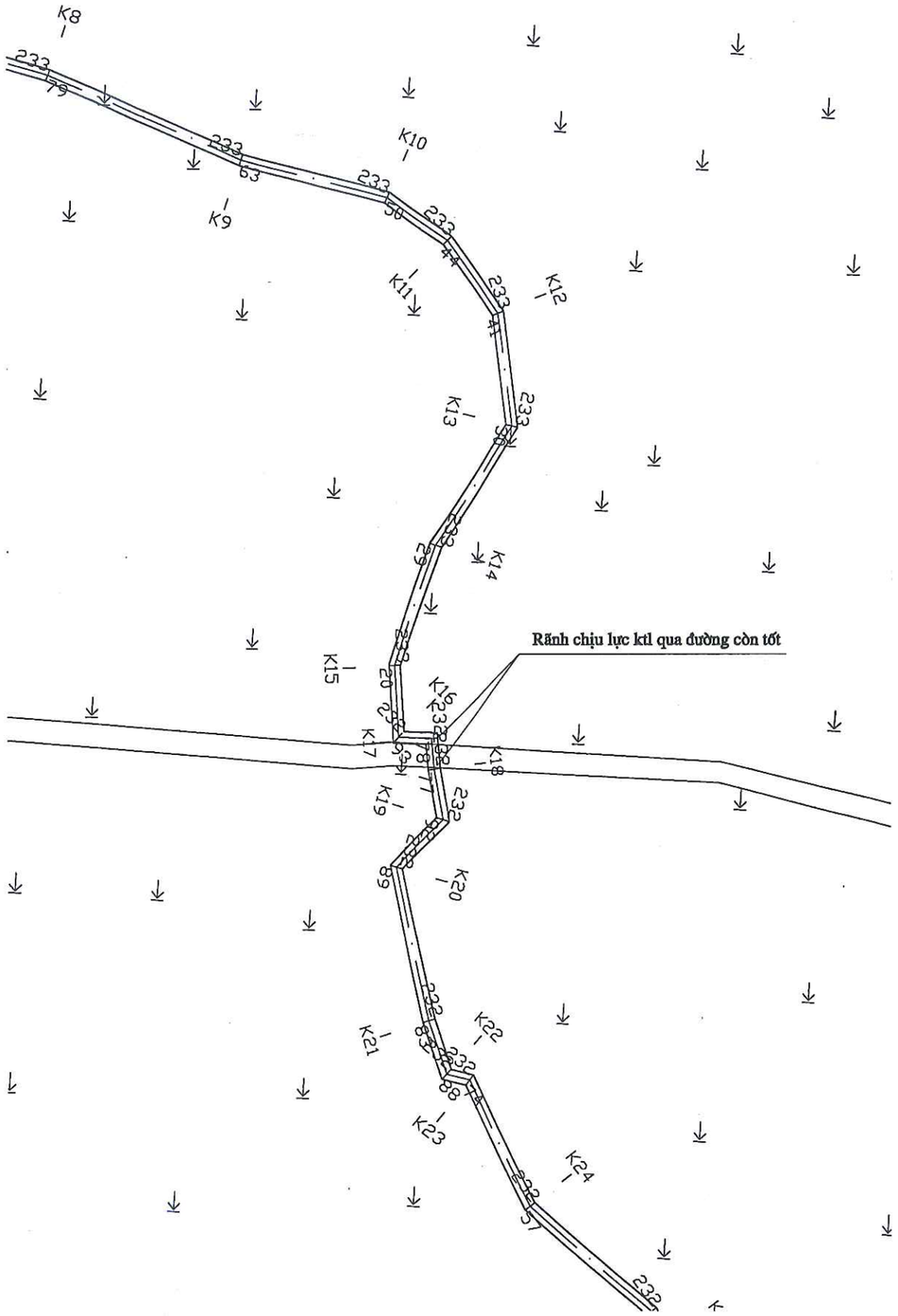

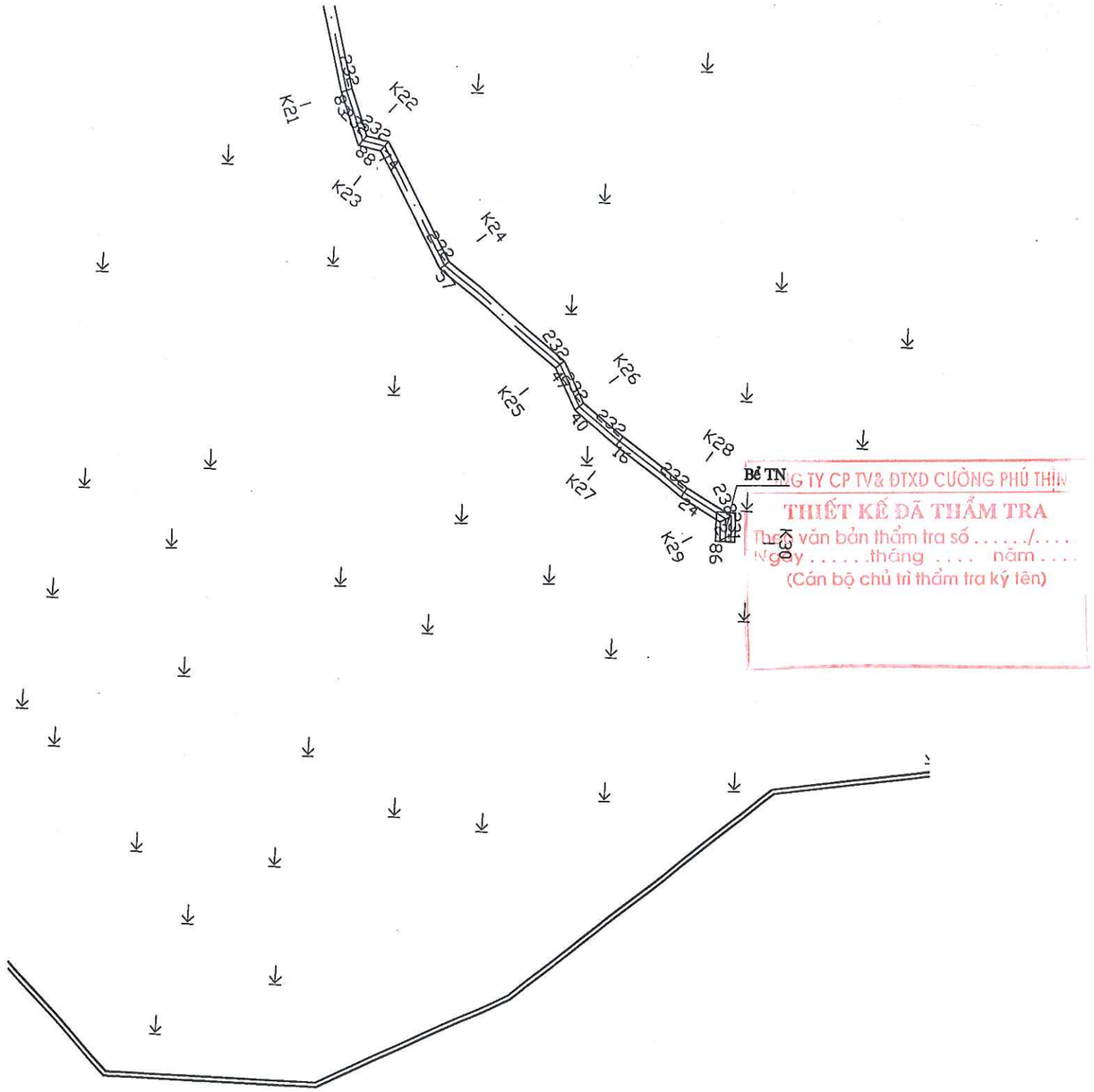

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊN

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../....

Ngày .....tháng .... năm ....

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC	MINH PHÚ COMPANY
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHÁN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY	TK–BVTC	NĂM 2026					
MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH	NO: TK- TT - 01	TL	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC	

CẮT DỌC TUYẾN CHÍNH

Tỷ lệ: X= 1/1000; Y=1/500

NG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
heo văn bản thẩm tra số ...../....
gày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

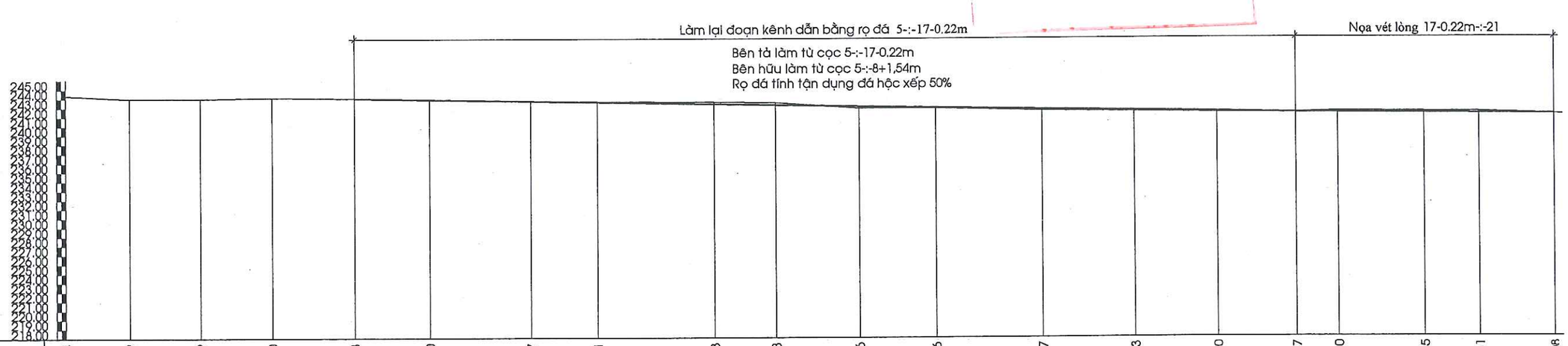

Cao độ mặt đất	244.34	243.99	243.99	244.10	243.98	243.80	243.67	243.61	243.53	243.48	242.86	242.86	242.57	242.43	242.30	242.27	242.40	242.35	242.31	242.08		
Cao độ đỉnh kênh																						
Cao độ đáy kênh					243.98	243.84	243.66	243.54	243.33	243.21	243.06	242.93	242.73	242.56	242.41	242.27	242.24	242.18	242.14	242.08		
Khoảng cách từng cọc		14.01	15.44	15.71	18.01	16.41	21.54	14.51	25.71	13.28	17.99	16.50	23.37	19.73	17.93	17.25	9.33	18.37	12.13	16.58		
Khoảng cách dồn	0.00	14.01	29.45	45.16	63.17	79.58	101.12	115.63	141.34	154.62	172.61	189.11	212.48	232.21	250.14	267.39	276.72	295.09	307.22	323.80		
Tên cọc	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19	20	2		
Độ dốc					0.0084	0.0084	0.0084	0.0084	0.0084	0.0084	0.0084	0.0084	0.0084	0.0084	0.0084	0.0034	0.0034	0.0034	0.0034			
Kênh BxH (cm)																						

CẮT DỌC TUYẾN CHÍNH

Tỷ lệ: X= 1/1000; Y=1/500

G TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
heo văn bản thẩm tra số ...../....
gày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

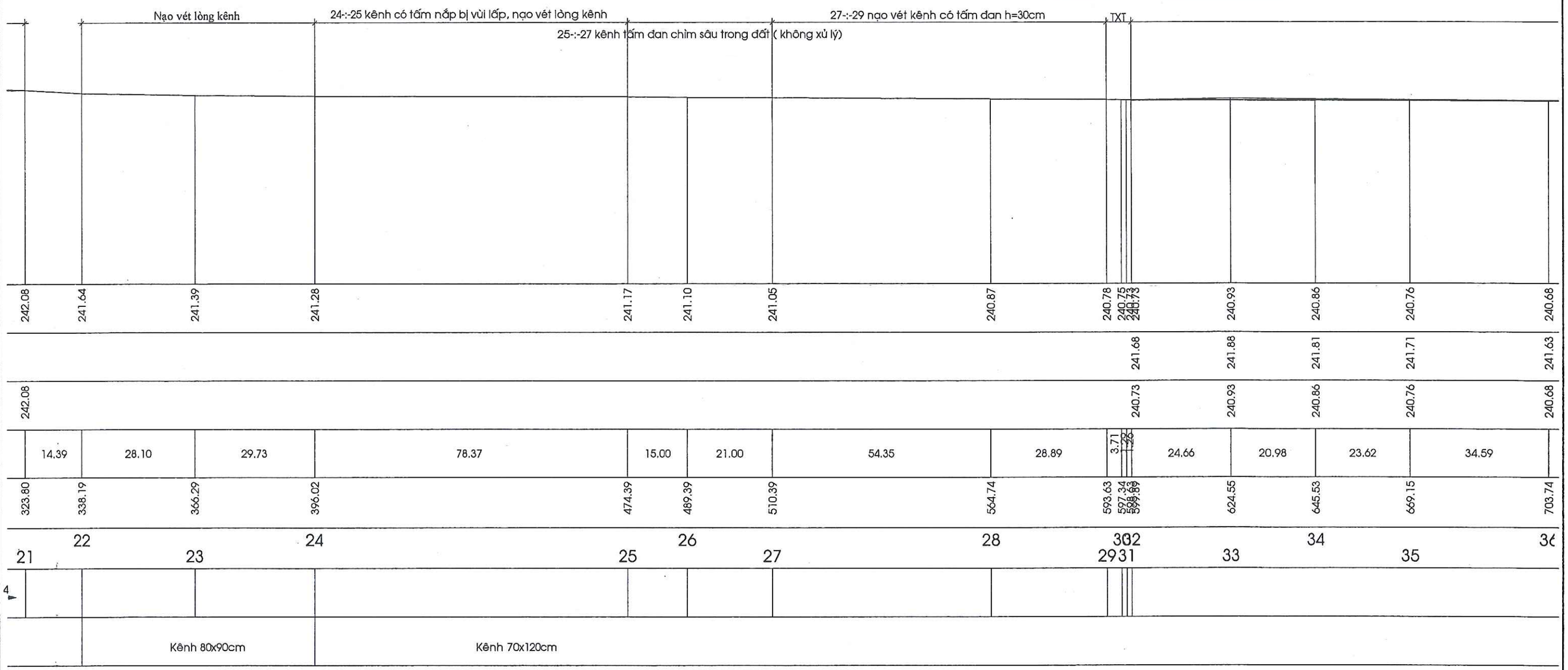

CẮT DỌC TUYẾN CHÍNH

Tỷ lệ: X= 1/1000; Y=1/500

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../....
Ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN
MSDN: 5600... XÃ THANH AN - T. ĐIỆN BIÊN

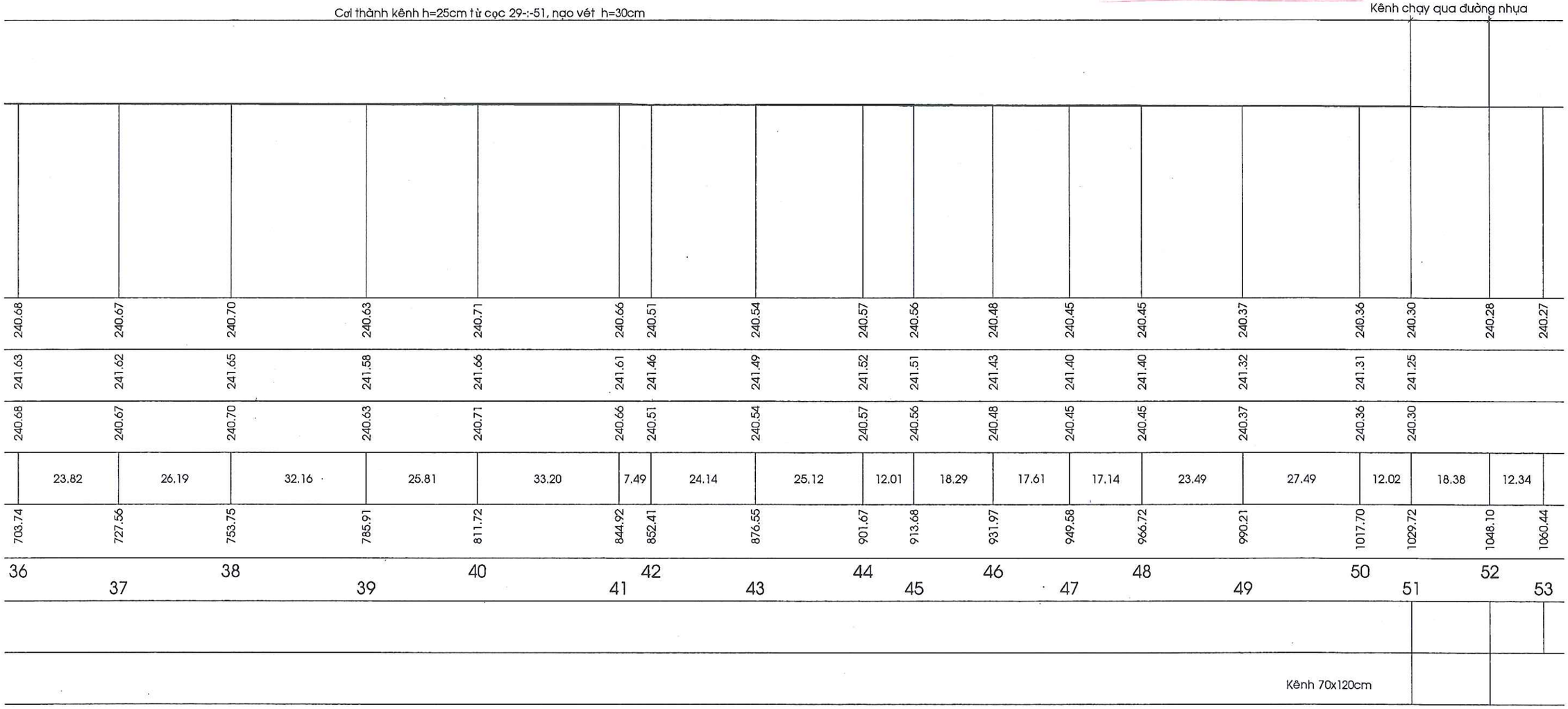

CẮT DỌC TUYẾN CHÍNH

Tỷ lệ: X= 1/1000; Y=1/500

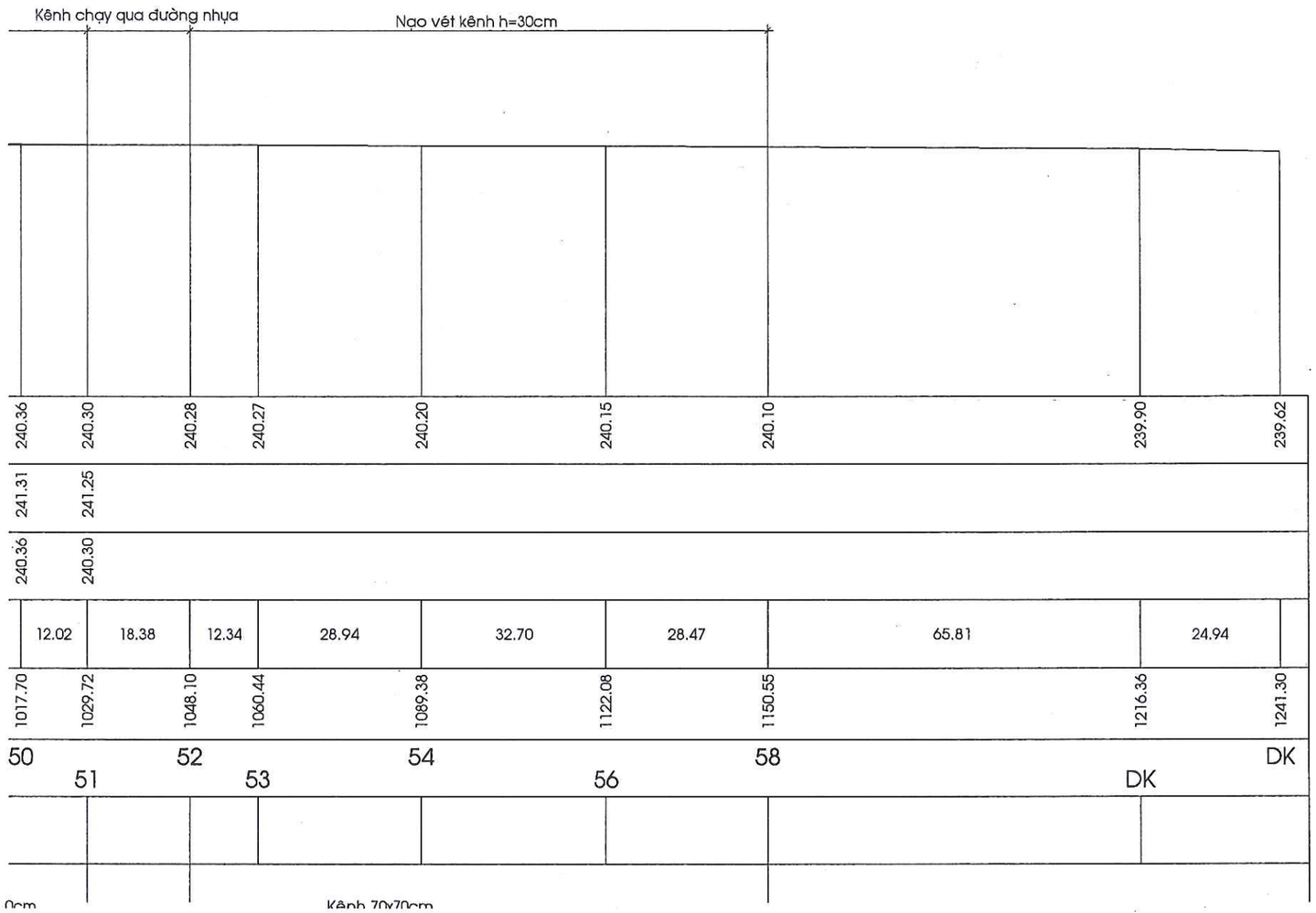

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỌ

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../.....

Ngày .....tháng ..... năm .....

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC	MINH PHÚ COMPANY
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHÁN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY CẮT DỌC TUYẾN CHÍNH	TK-BVTC	NĂM 2026	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC	
	NO: TK- TC - 01	TL					

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

Cọc:5
Lý trình:0+63.17

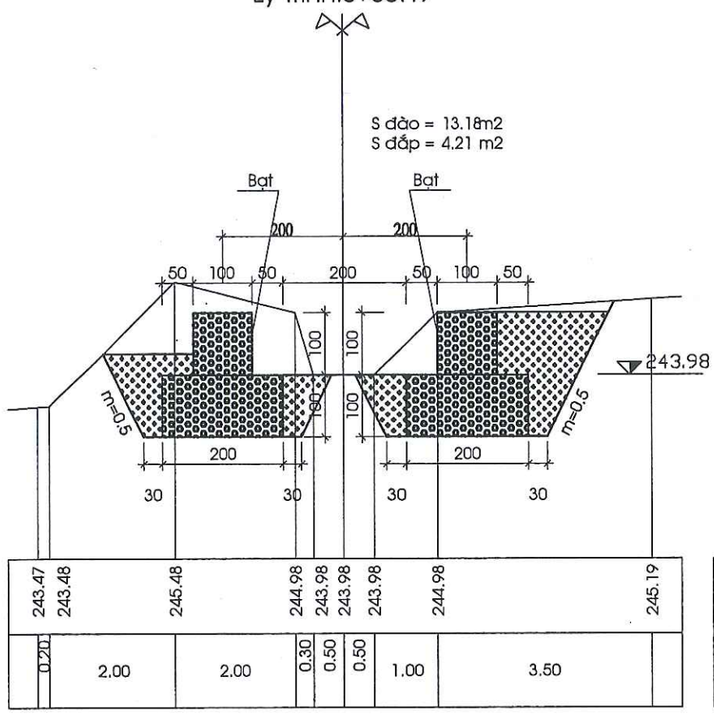

Cọc:6
Lý trình:0+79.58

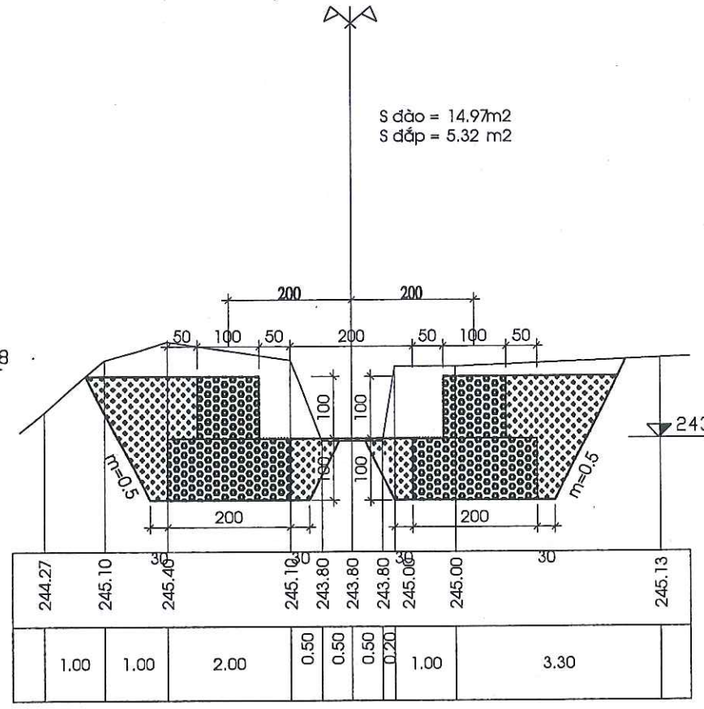

Cọc:7
Lý trình:0+101.12

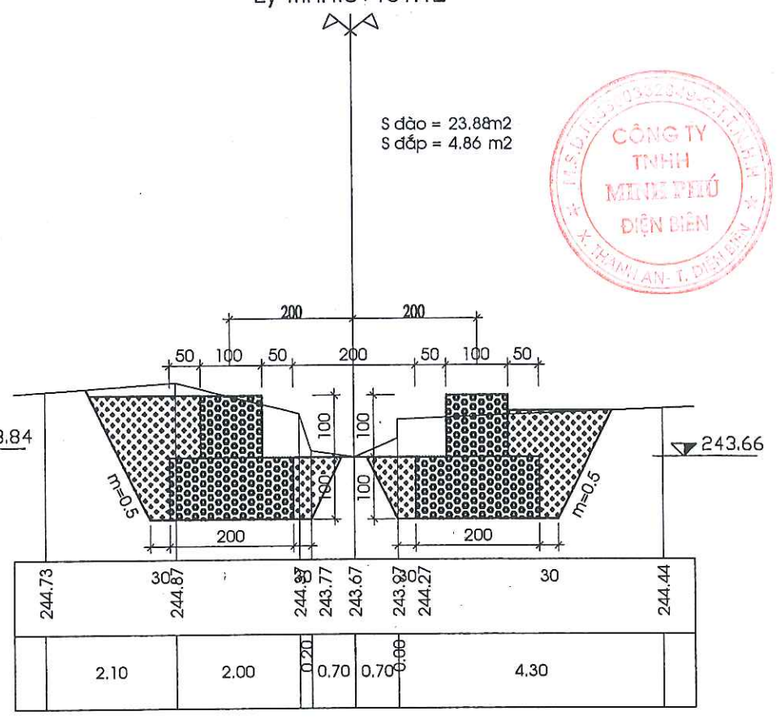

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

Cọc:8
Lý trình:0+115.63

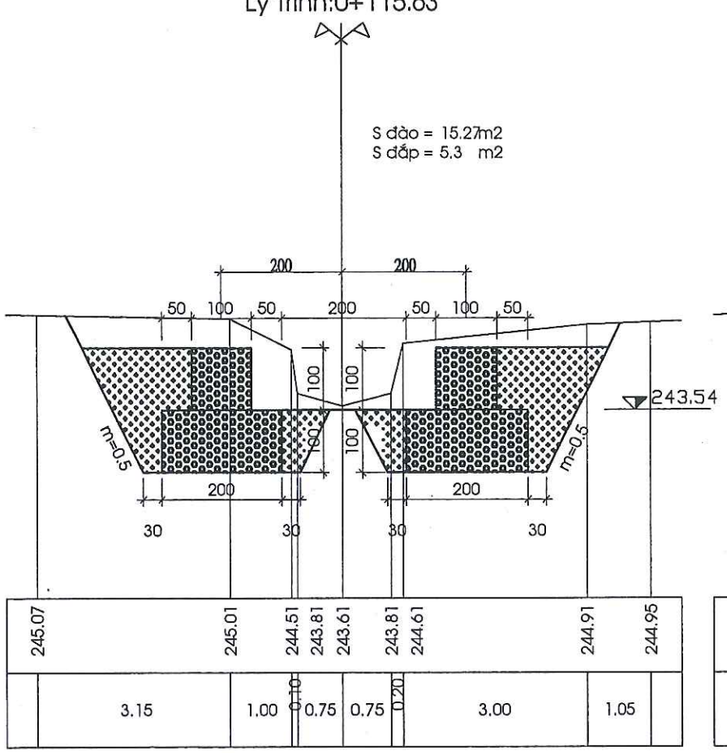

Cọc:9
Lý trình:0+141.34

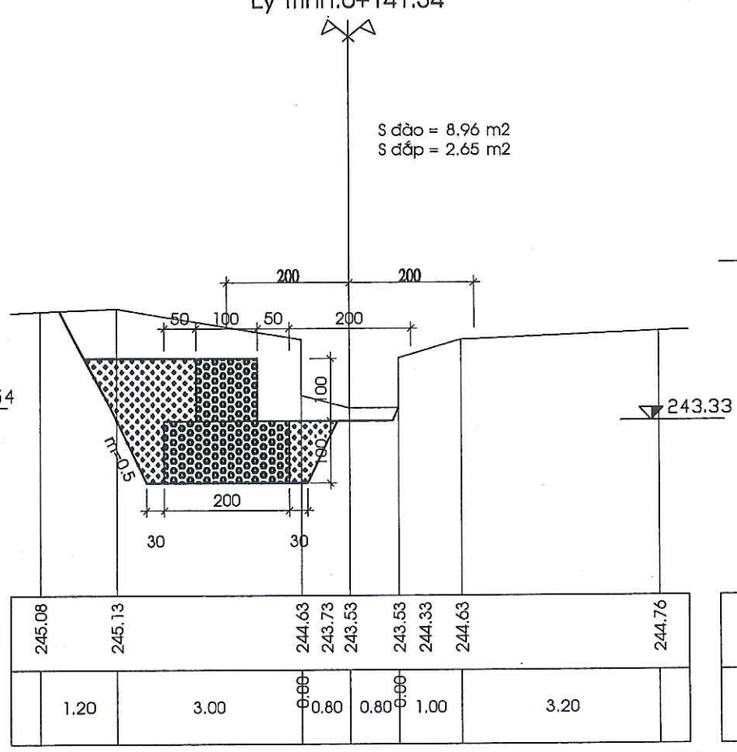

Cọc:10
Lý trình:0+154.62

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG [illegible] TỈNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../....
Ngày .....tháng .... năm ...
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

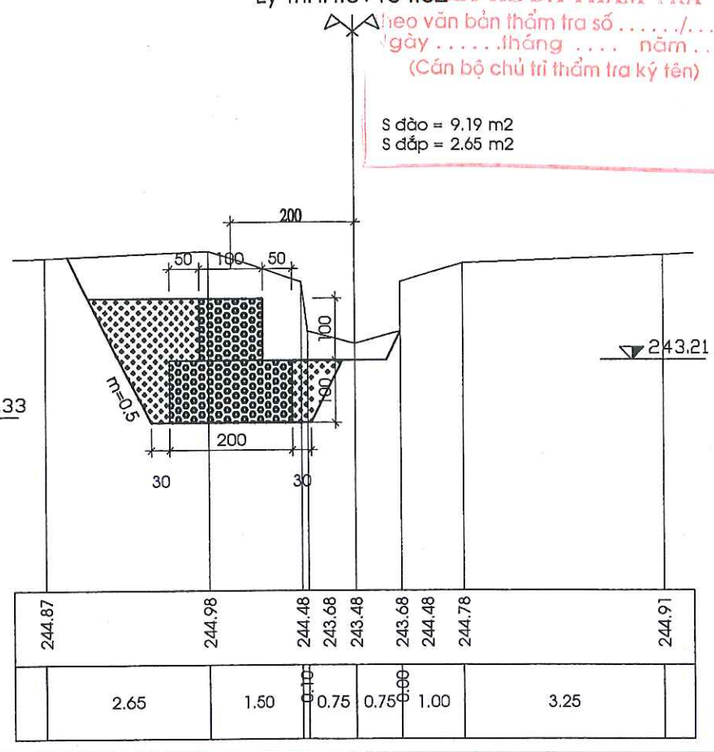

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

Cọc:11
Lý trình:0+172.61

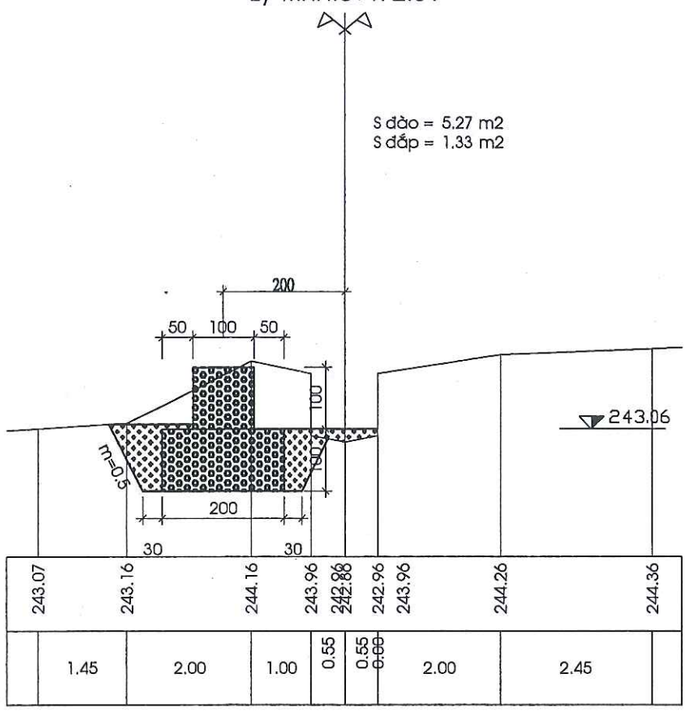

Cọc:12
Lý trình:0+189.11

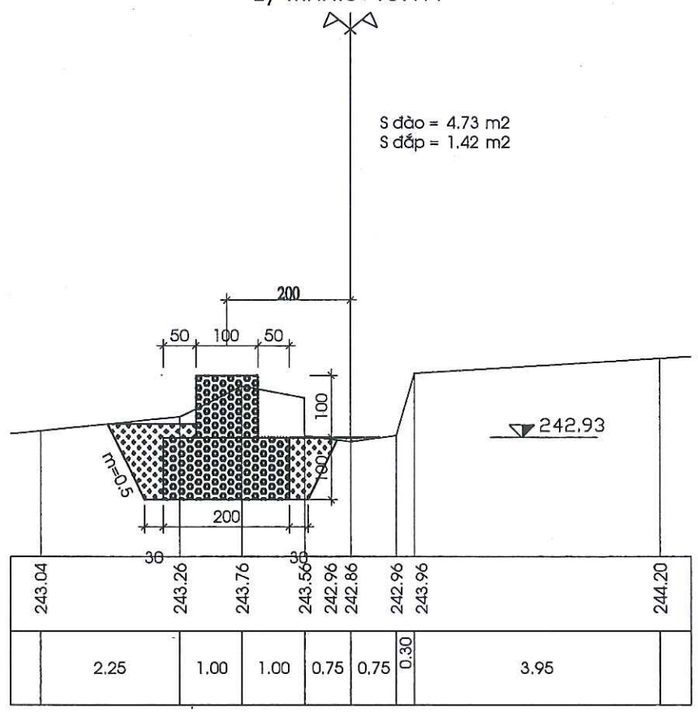

Cọc:13
Lý trình:0+212.48

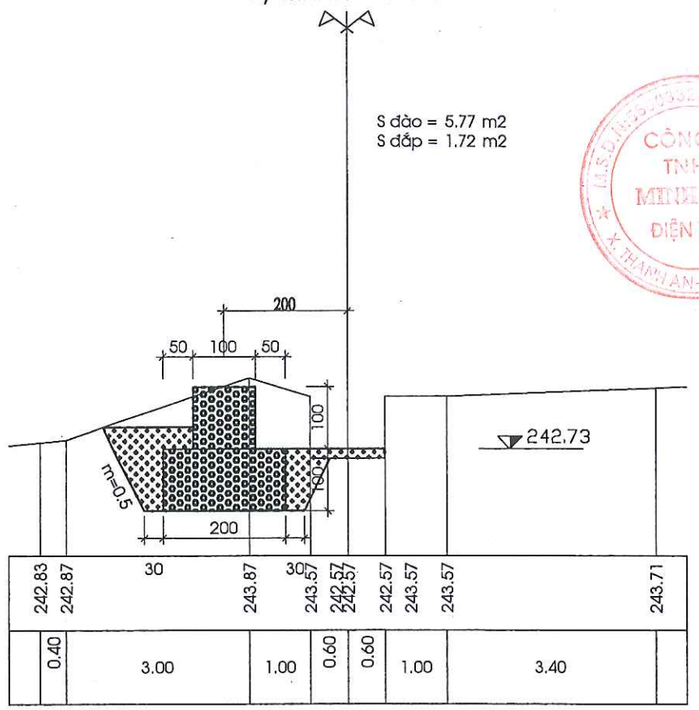

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN
X. THANH AN - T. ĐIỆN BIÊN

Cọc:14
Lý trình:0+232.21

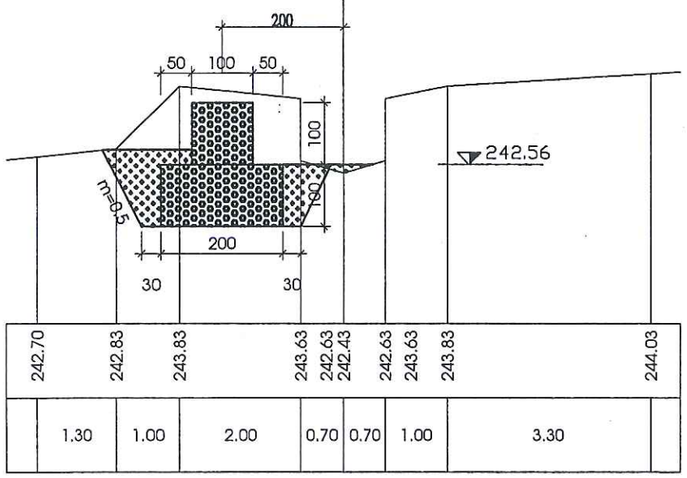

Cọc:15
Lý trình:0+250.14

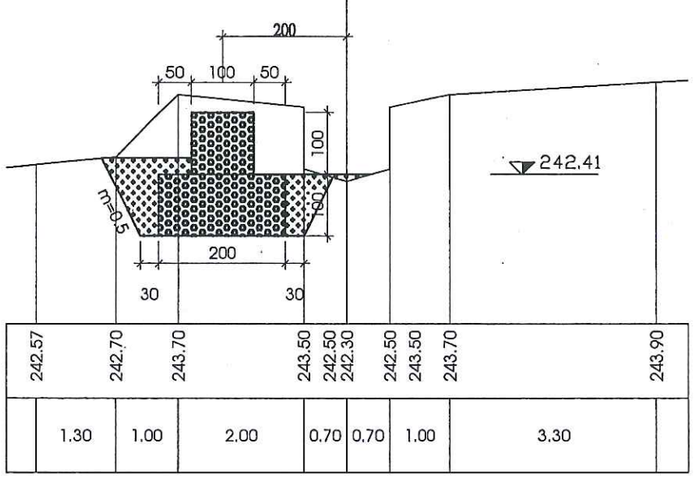

Cọc:17
Lý trình:0+267.39

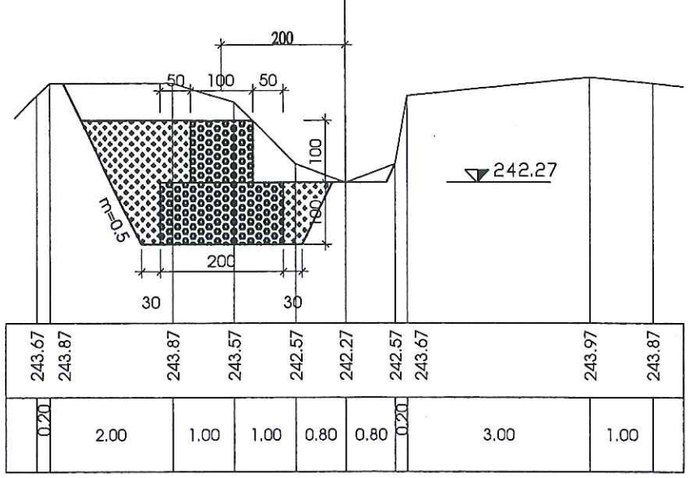

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ ĐỊA
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../....
Ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

Cọc:18
Lý trình:0+276.72

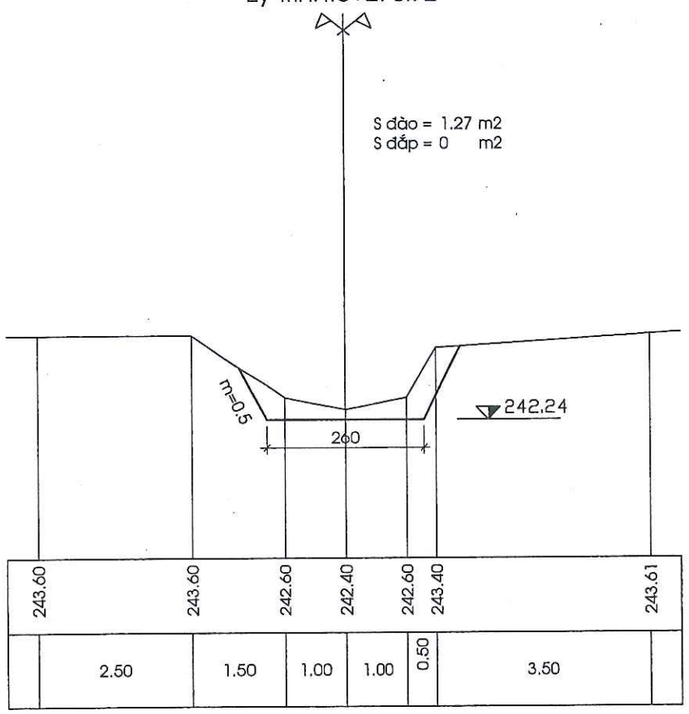

Cọc:19
Lý trình:0+295.09

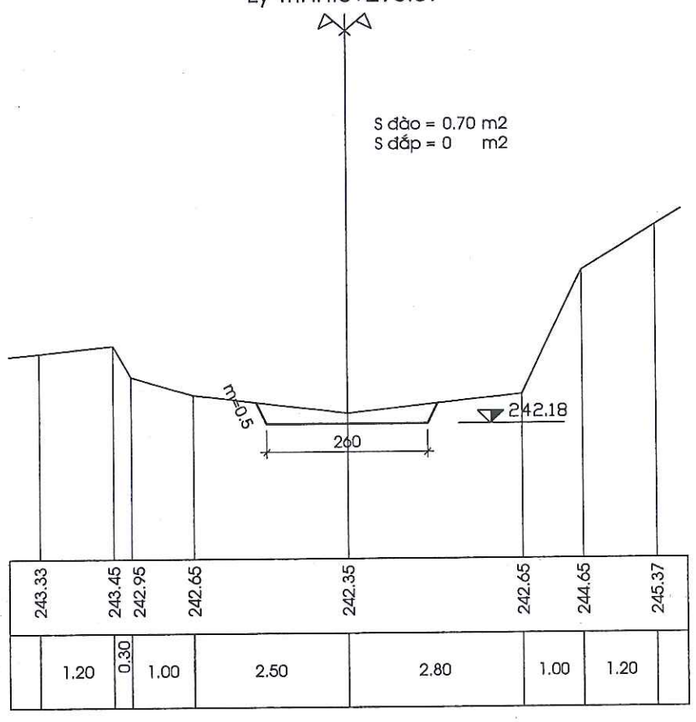

Cọc:20
Lý trình:0+307.22

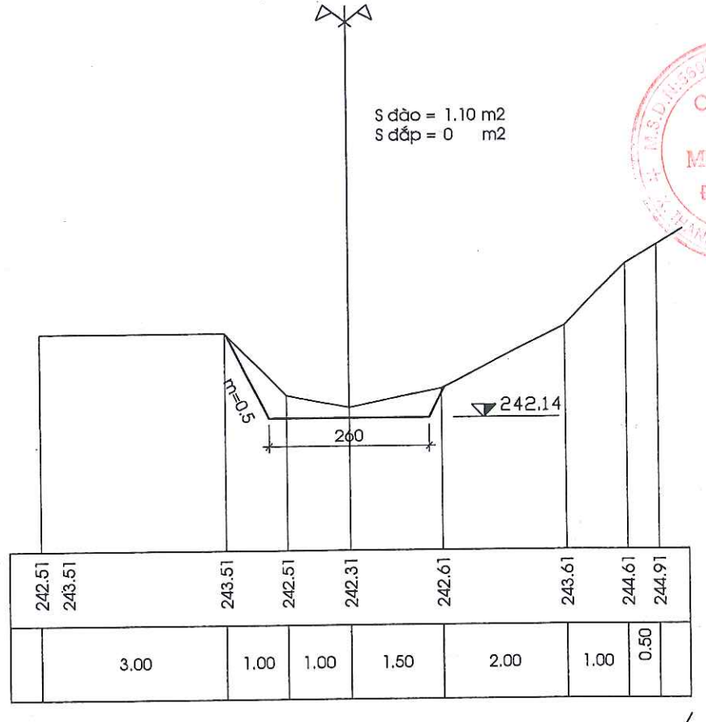

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

Cọc:21
Lý trình:0+323.80

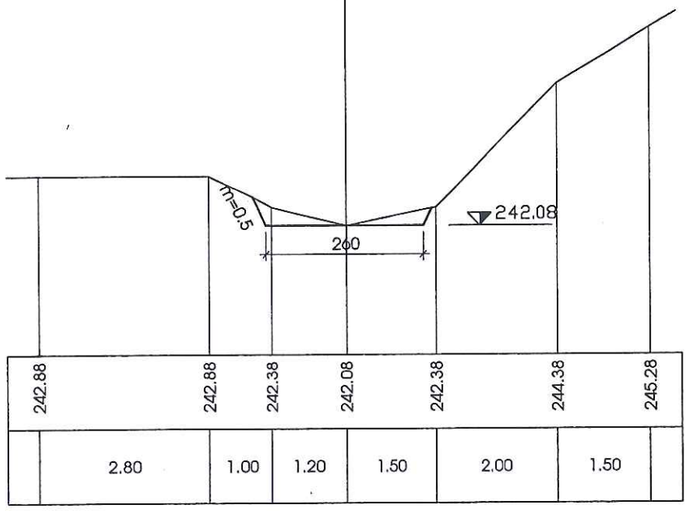

Cọc:22
Lý trình:0+338.19

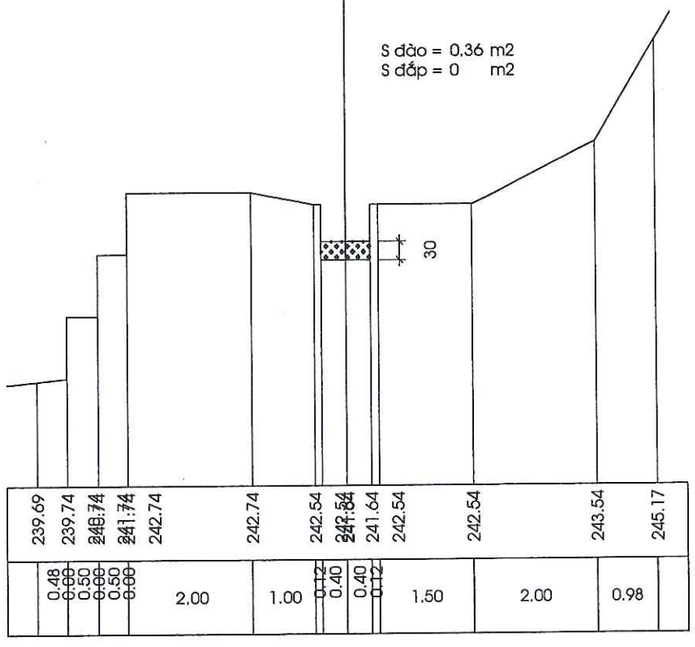

Cọc:23
Lý trình:0+366.29

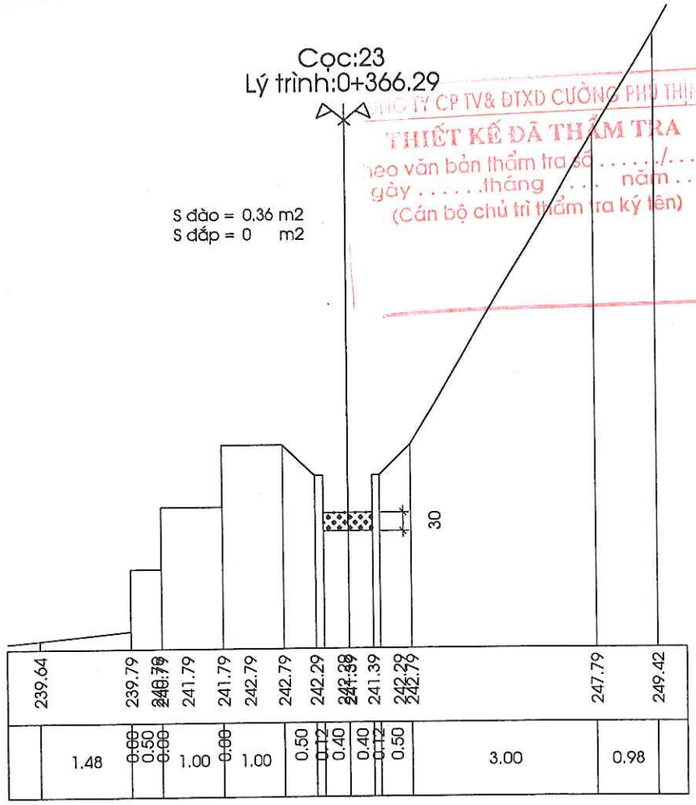

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
theo văn bản thẩm tra số ...../.....
ngày .....tháng ..... năm .....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

Cọc:24
Lý trình:0+396.02

S đào = 1.34 m2
S đắp = 0 m2

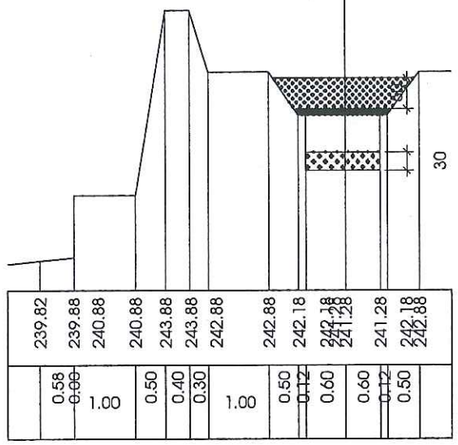

Cọc:25
Lý trình:0+474.39

S đào = 0.93 m2
S đắp = 0 m2

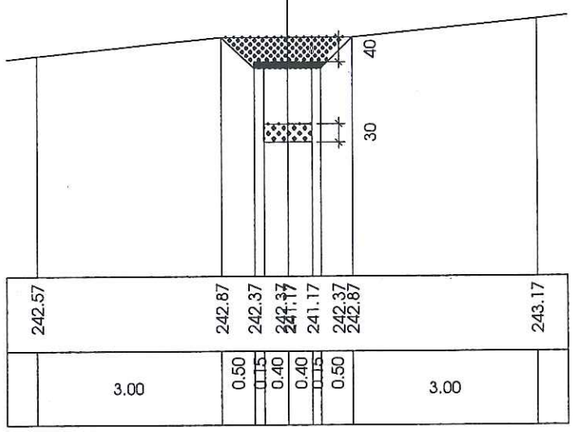

Cọc:27
Lý trình:0+510.39

S đào = 0.36 m2
S đắp = 0 m2

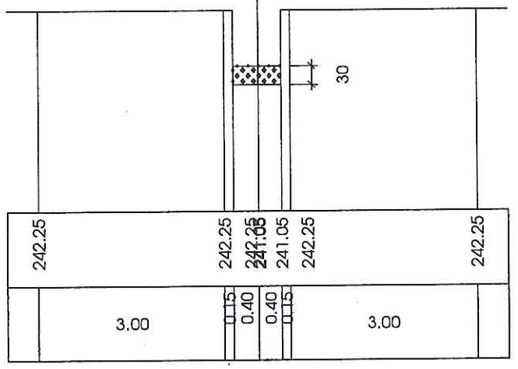

Cọc:28
Lý trình:0+564.74

S đào = 0.36 m2
S đắp = 0 m2

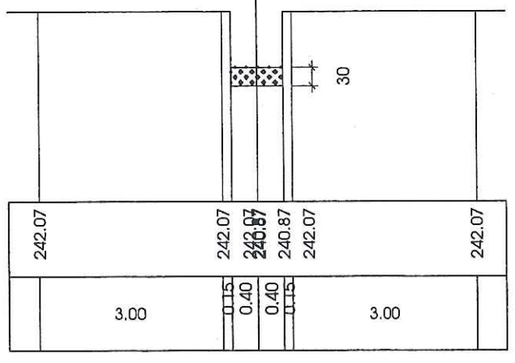

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
(theo văn bản thẩm tra số ...../.... ngày ...tháng .... năm ....
Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

Cọc:29
Lý trình:0+593.63

S đào = 0.36 m2
S đắp = 0 m2

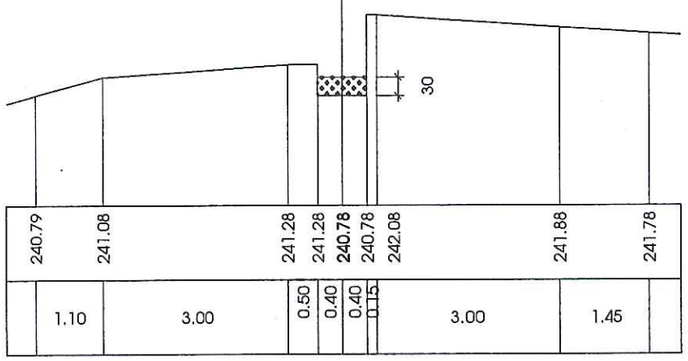

Cọc:32
Lý trình:0+599.89

Đoạn 32-:-51
Nạo vét lòng kênh
S đào = 0.36 m2
S đắp = 0 m2

Đoạn 32-:-51 cơi kênh (không bao gồm tràn qua kênh)

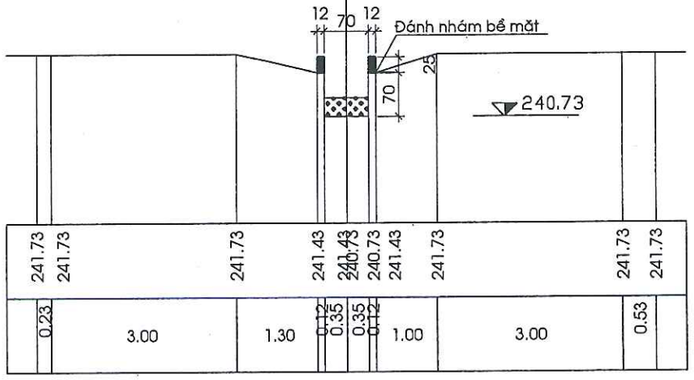

Cọc:52
Lý trình:1+48.10

Đoạn 52-:-58
Nạo vét lòng kênh
S đào = 0.21 m2
S đắp = 0 m2

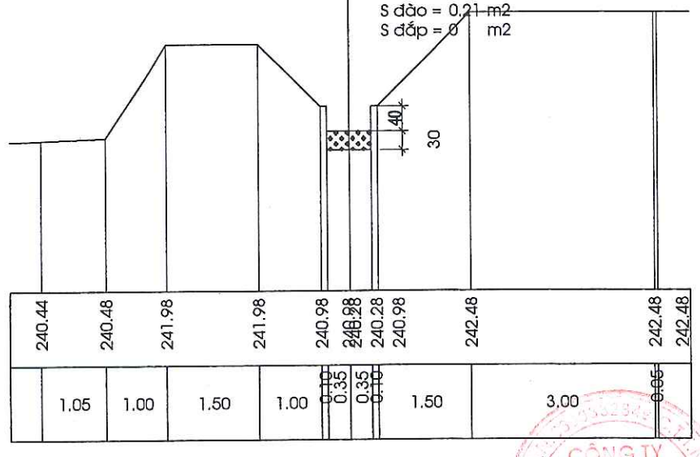

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC	
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHẦN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY CẮT NGANG TUYẾN CHÍNH	TK-BVTC	NĂM 2026	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC	MINH PHÚ COMPANY
	NO: TK- TC - 03	TL					

CẮT DỌC CỐT THÉP KÊNH

Tỷ lệ: 1/10

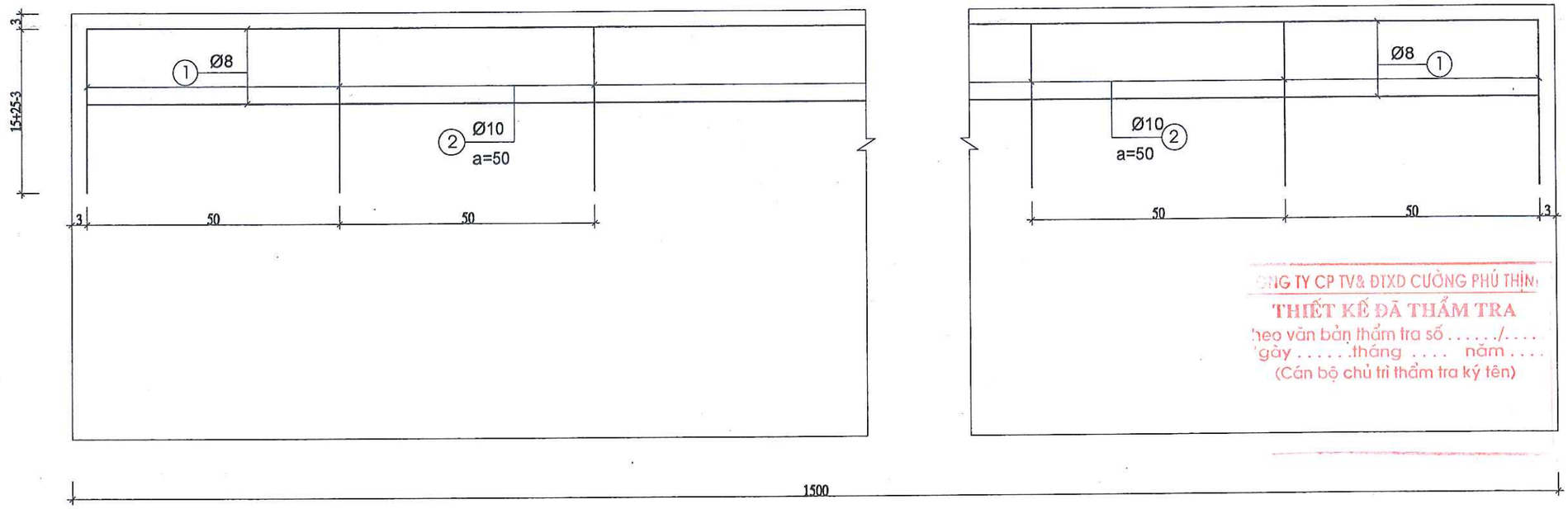

NG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
heo văn bản thẩm tra số . . . . . /. . . .
gày . . . . .tháng . . . . năm . . . .
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

CẮT NGANG CỐT THÉP KÊNH

Tỷ lệ: 1/10

Chiều dài bố trí thép kênh L=15m

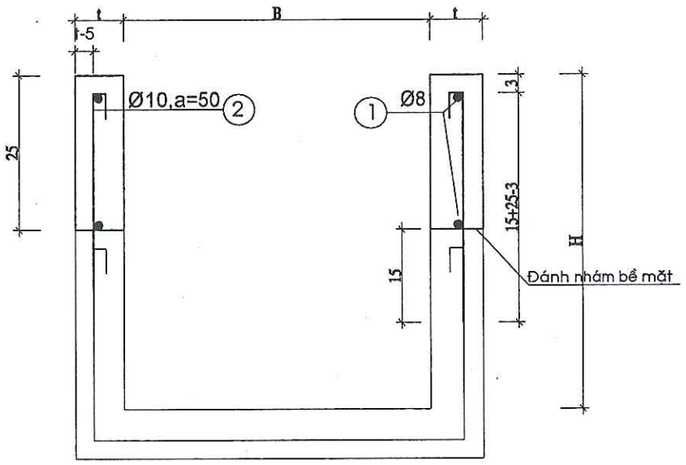

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP KÊNH

STT	Hình dạng cốt thép	D (mm)	n (thanh)	L (cm)	ΣL (m)	ΣG (Kg)	Ghi chú
①	5 1494 5	8	4	1504	60.16	23.74	(Đoạn 15 m)
②	5 15 5 37	10	31	84	26.04	16.06	

Σϕ10 = 16.06 kg

Σϕ8 = 23.74 kg

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC	MINH PHÚ COMPANY
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHÂN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY CẮT DỌC CỐT THÉP KÊNH	TK-BVTC	NĂM 2026	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC	
	NO: TK- TC - 03	TL					

CẮT DỌC NHÁNH D

Tỷ lệ: X= 1/500; Y=1/200

Rọ đá tính tận dụng đá hộc xếp 10%

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊNH

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../.....

ngày .....tháng .... năm ....

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

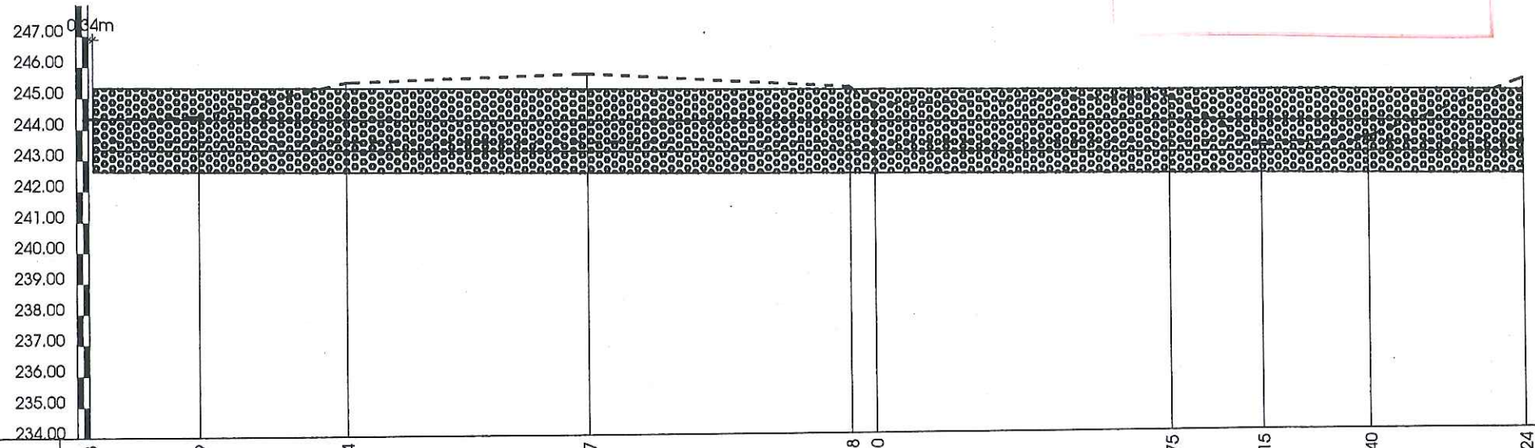

Cao độ mặt đất	244.33	244.39	245.44	245.67	245.18	244.60	244.75	243.15	243.40	245.24		
Cao độ đáy kè rọ đá hàng 2	243.33	243.30	243.25	243.18	243.10	243.09	243.01	242.98	242.95	242.90		
Khoảng cách từng cọc		8.91	12.00	19.45	21.38	1.88	24.00	7.37	8.85	12.50		
Khoảng cách dồn	0.00	8.91	20.91	40.36	61.74	63.62	87.62	94.99	103.84	116.34		
Tên cọc	D1	D2	D3	D4	D5	D6	D7	D8	D9	D10		
Độ dốc		0.0037	0.0037	0.0037	0.0037	0.0037	0.0037	0.0037	0.0037	0.0037		

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHÁN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY CẮT DỌC NHÁNH D	TK-BVTC	NĂM 2026	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC
	NO: TK- D - 01	TL				MINH PHÚ COMPANY

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

Cọc:D1
Lý trình:0+00

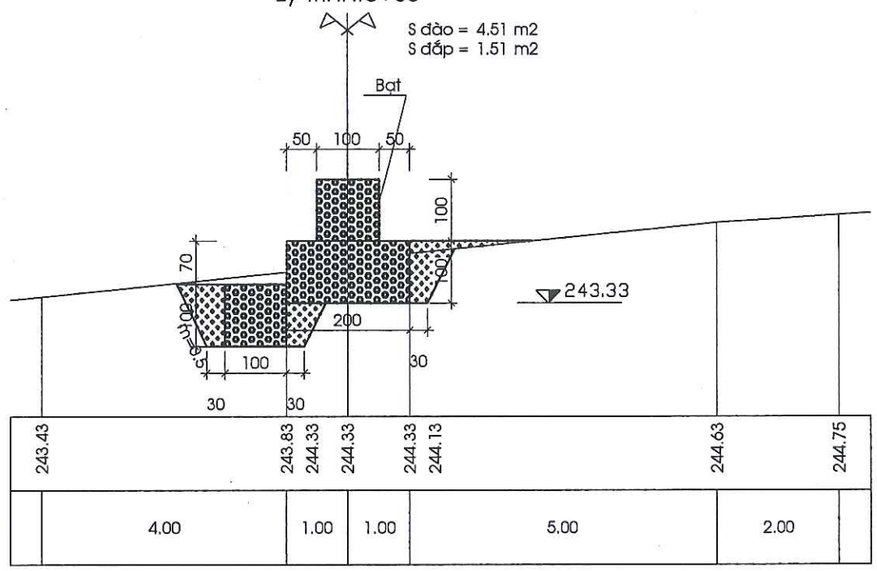

Cọc:D2
Lý trình:0+8.91

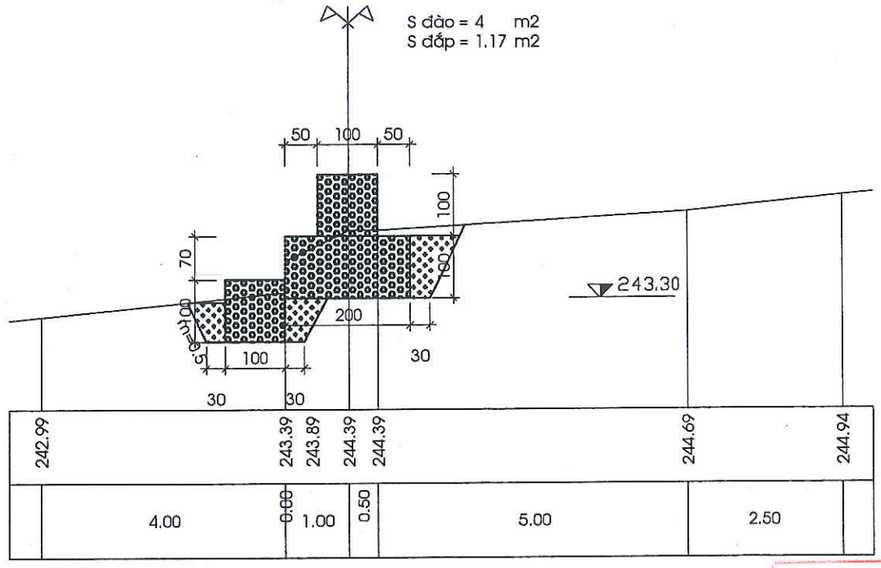

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
theo văn bản thẩm tra số ...../.....
ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

Cọc:D3
Lý trình:0+20.91

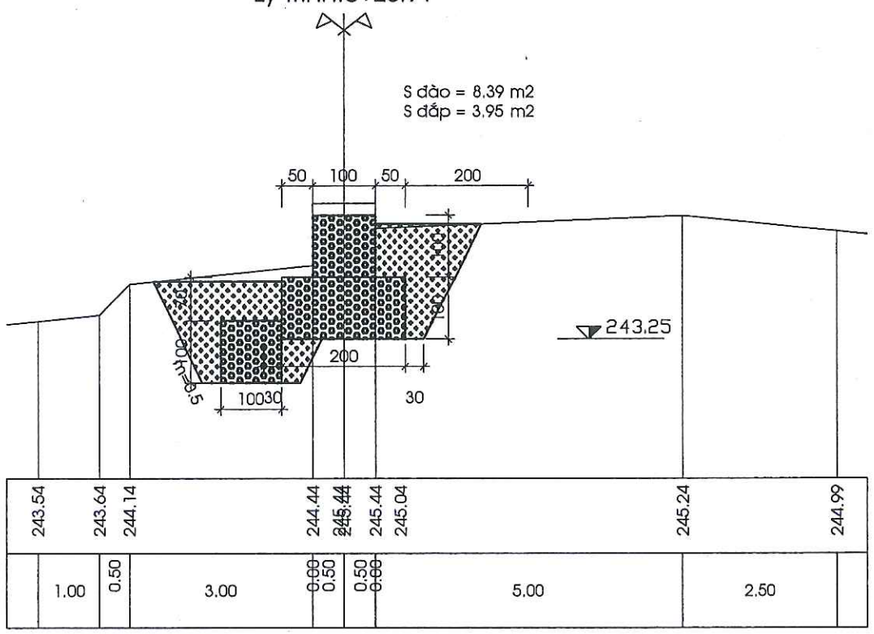

Cọc:D4
Lý trình:0+40.36

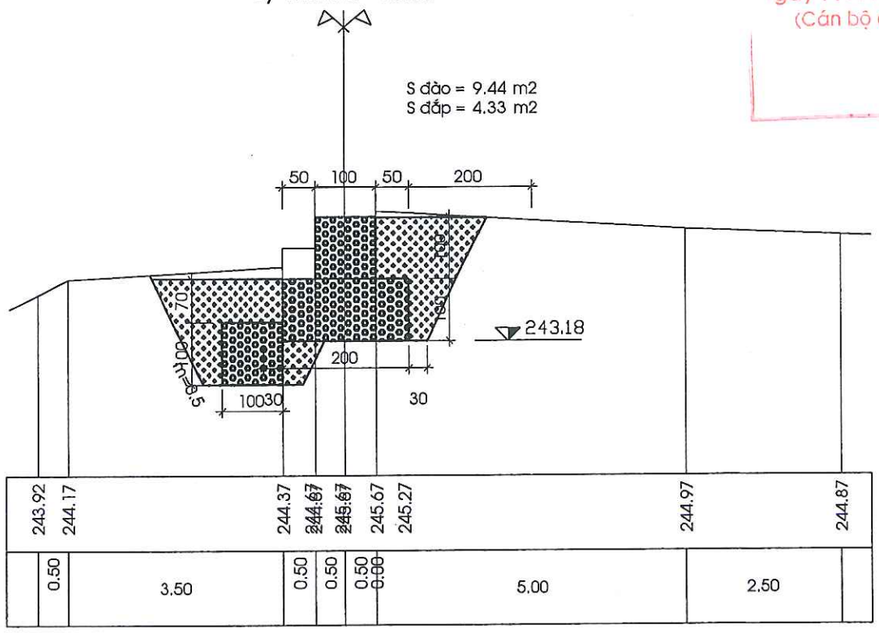

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

Cọc:D5
Lý trình:0+61.74

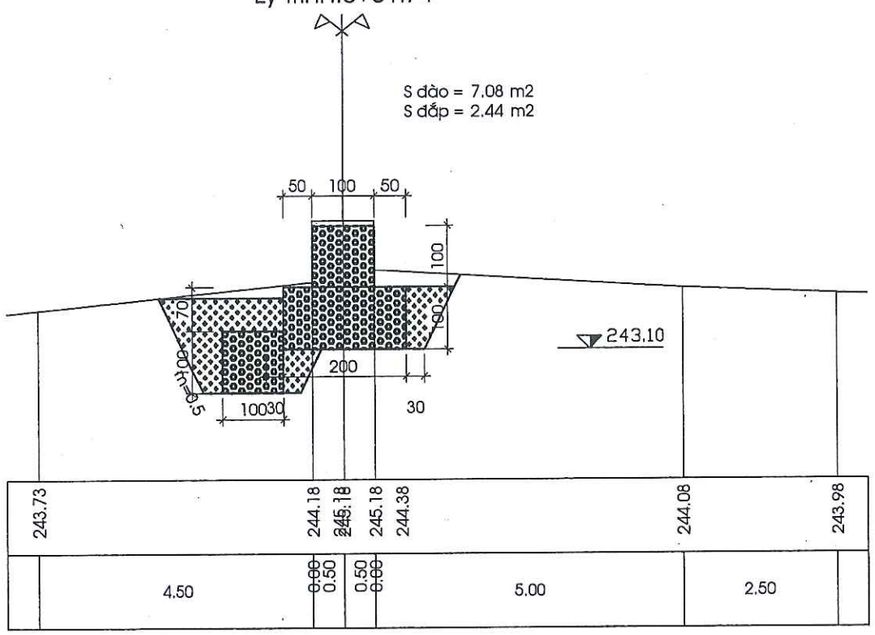

Cọc:D6
Lý trình:0+63.62

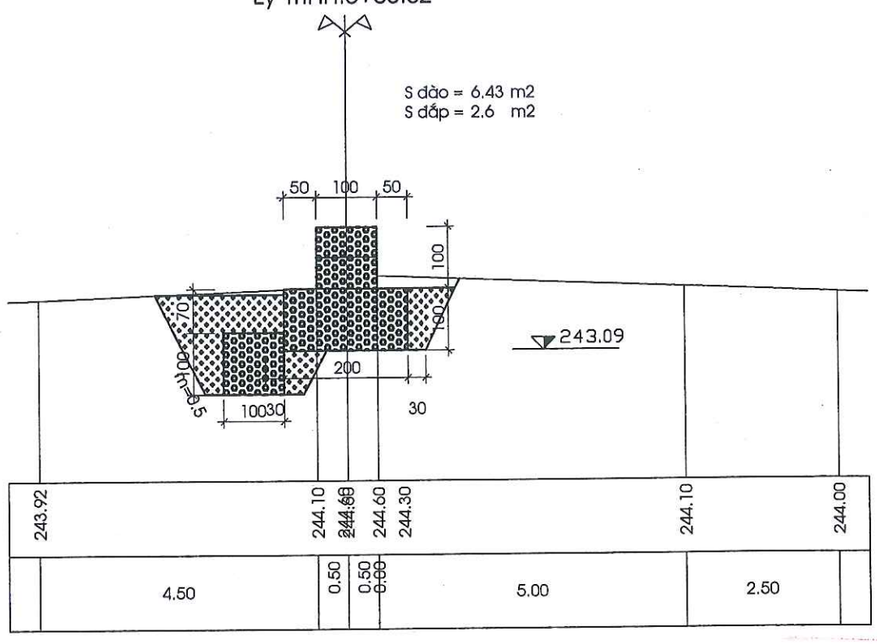

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN
TX. THANH AN - T. ĐIỆN BIÊN

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỌ
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../.....
Ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

Cọc:D7
Lý trình:0+87.62

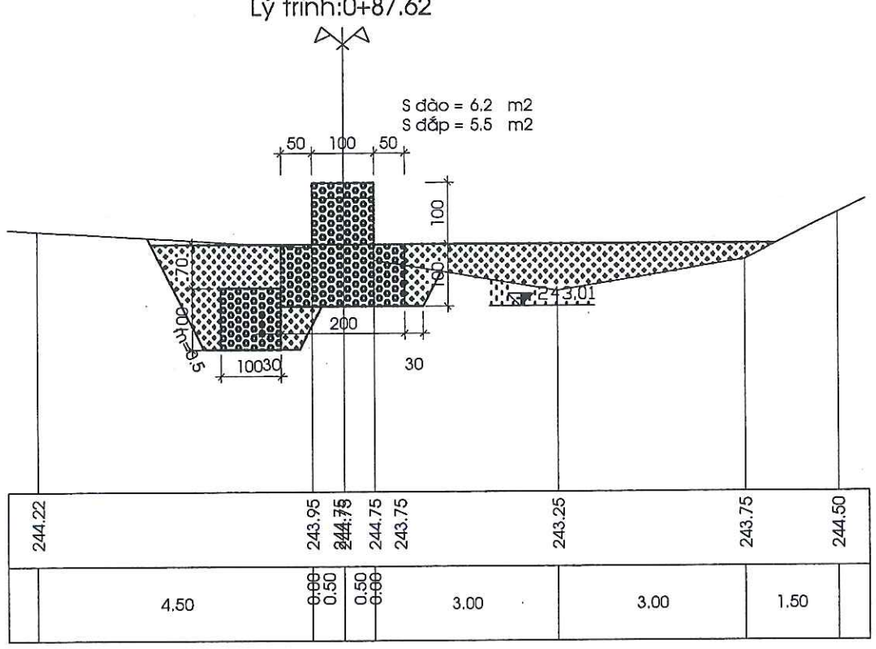

Cọc:D8
Lý trình:0+94.99

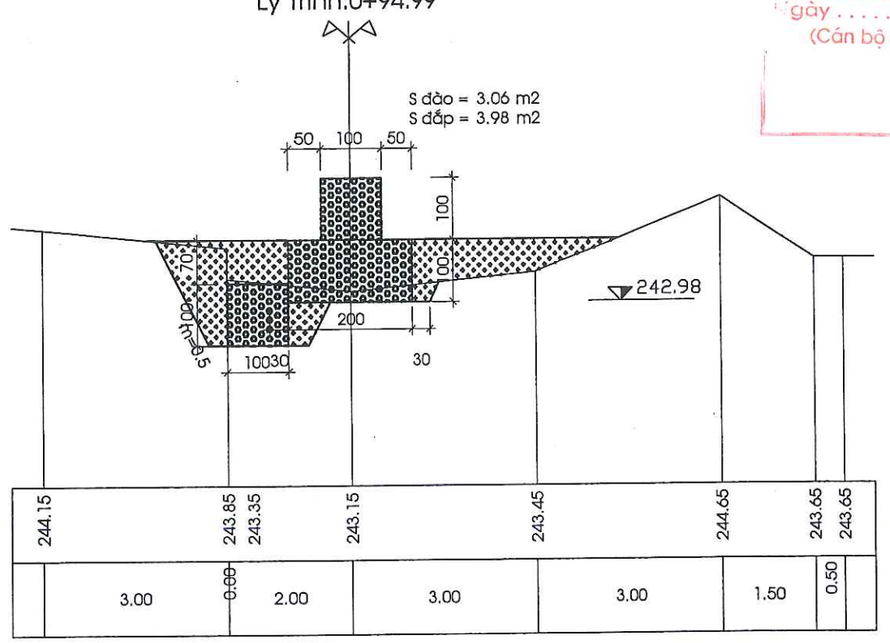

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

Cọc:D9
Lý trình:0+103.84

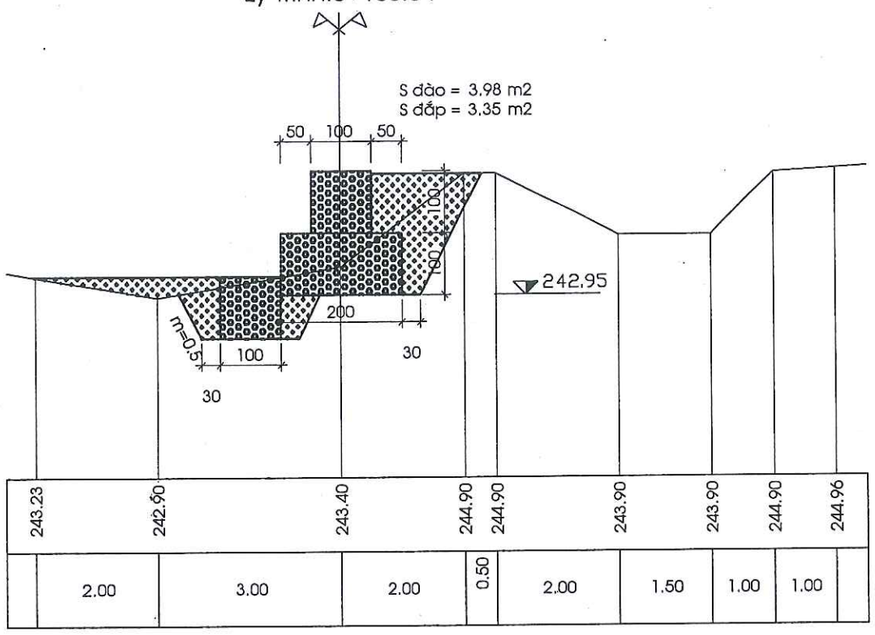

Cọc:D10
Lý trình:0+116.34

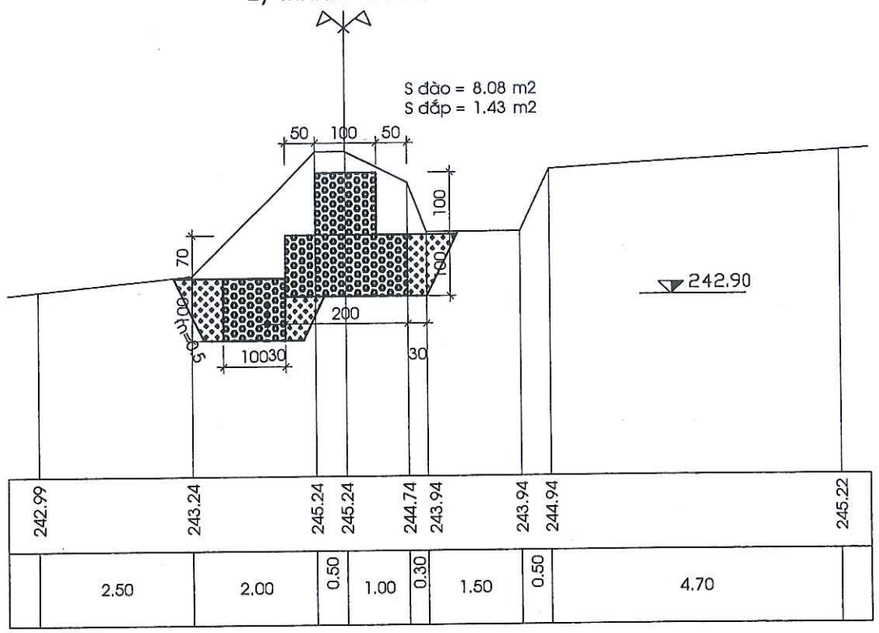

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỌ
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../.....
Ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC	MINH PHÚ COMPANY
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHẤN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY CẮT NGANG NHÁNH D	TK-BVTC	NĂM 2026	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC	
	NO: TK- D - 08	TL					

CẮT DỌC NHÁNH H

Tỷ lệ: X= 1/1000; Y=1/500

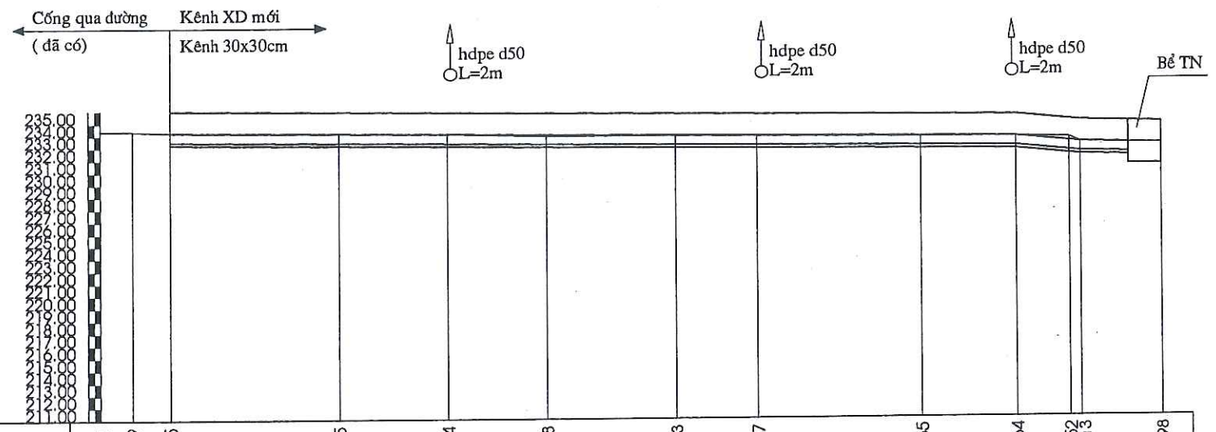

Cao độ mặt đất	234.41	234.39	234.25	234.15	234.04	233.88	233.83	233.77	233.65	233.64	233.52	233.13	232.98	
Cao độ đáy kênh			234.25	234.13	234.05	233.98	233.89	233.83	233.71	233.64	233.21	233.13	232.98	
Khoảng cách từng cọc		5.50	5.95	27.56	17.48	15.88	21.14	13.27	26.53	15.33	8.67	1.70	13.10	
Khoảng cách dồn	0.00	5.50	11.45	39.01	56.49	72.37	93.51	106.78	133.31	148.64	157.31	159.01	172.11	
Tên cọc	H1	H2	H3	H4	H5	H6	H7	H8	H9	H10	H11	H12	H13	
Độ dốc				0.0044	0.0044	0.0044	0.0044	0.0044	0.0044	0.0044	0.0492	0.0492	0.0115	

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỌ
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../.....
ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHẮN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY	TK-BVTC	NĂM 2026				
CẮT DỌC NHÁNH H	NO: TK- H - 01	TL	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC

MINH PHÚ COMPANY

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

Cọc:H3
Lý trình:0+11.45

S đào = 0.54 m2
S đắp = 0.22 m2

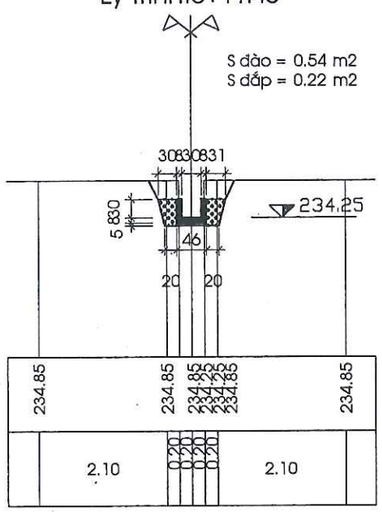

Cọc:H4
Lý trình:0+39

S đào = 0.39 m2
S đắp = 0.22 m2

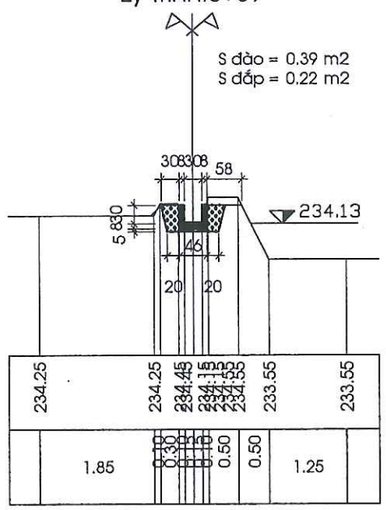

Cọc:H5
Lý trình:0+56.49

S đào = 0.34 m2
S đắp = 0.22 m2

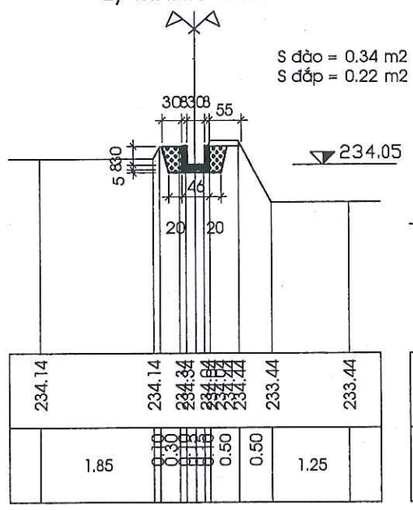

Cọc:H6
Lý trình:0+72.37

S đào = 0.22 m2
S đắp = 0.24 m2

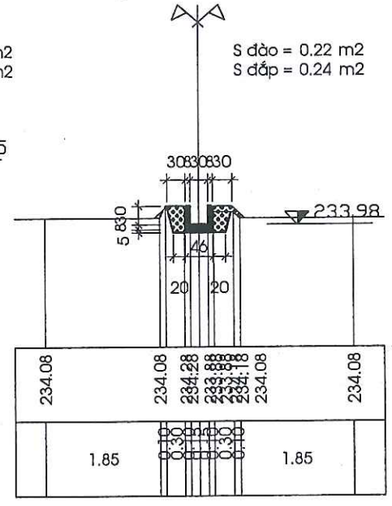

Cọc:H7
Lý trình:0+93.51

S đào = 0.26 m2
S đắp = 0.22 m2

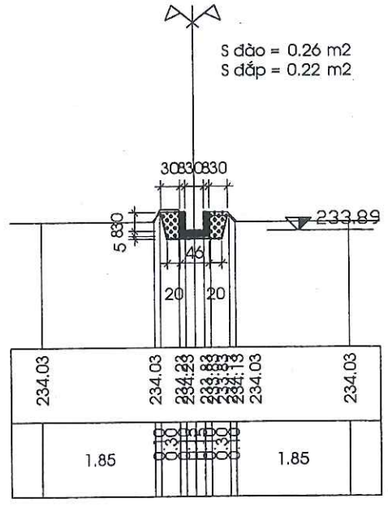

Cọc:H8
Lý trình:0+106.78

S đào = 0.14 m2
S đắp = 0.3 m2

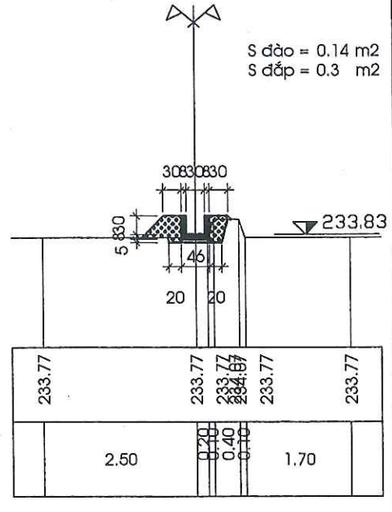

Cọc:H9
Lý trình:0+133.31

S đào = 0.09 m2
S đắp = 0.31 m2

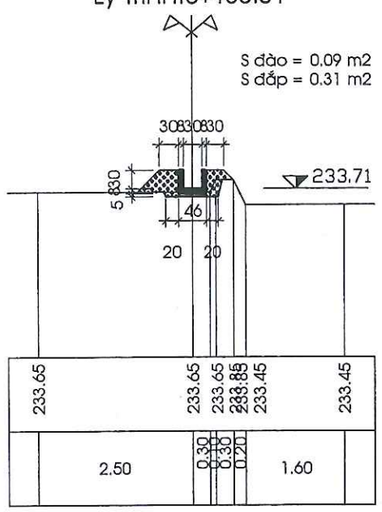

Cọc:H10
Lý trình:0+148.64

S đào = 0.14 m2
S đắp = 0.28 m2

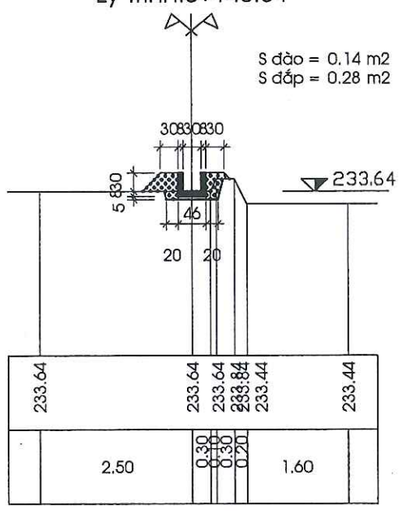

Cọc:H11
Lý trình:0+157.31

S đào = 0.5 m2
S đắp = 0.22 m2

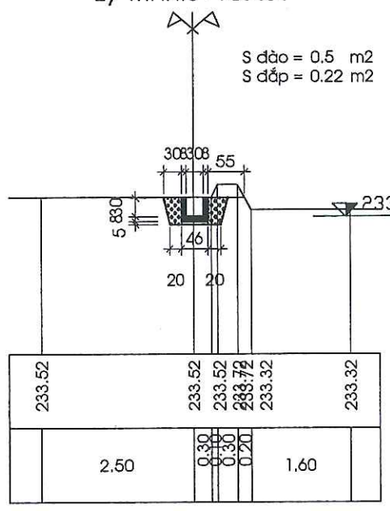

Cọc:H12
Lý trình:0+159

S đào = 0.3 m2
S đắp = 0.23 m2

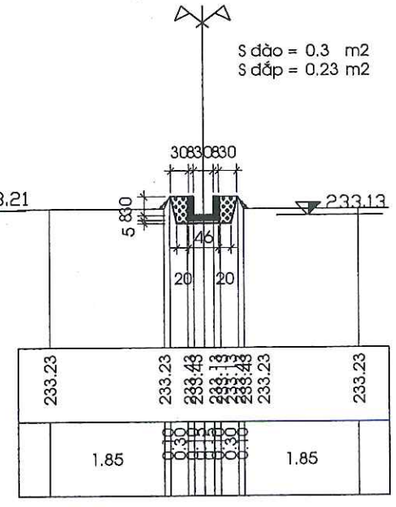

Cọc:H13
Lý trình:0+172.11

S đào = 0.3 m2
S đắp = 0.23 m2

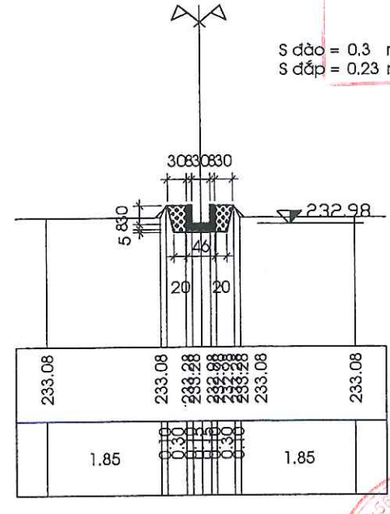

...Y CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỌ
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../.....
Ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC	MINH PHÚ COMPANY
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHÁN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY CẮT NGANG NHÁNH H	TK-BVTC	NĂM 2026					
	NO: TK- H - 02	TL	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC	

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

BỐ TRÍ THÉP KÊNH B*H=30*30 (CM)

CẮT DỌC KÊNH ĐẠI DIỆN
Tỷ lệ :1/20

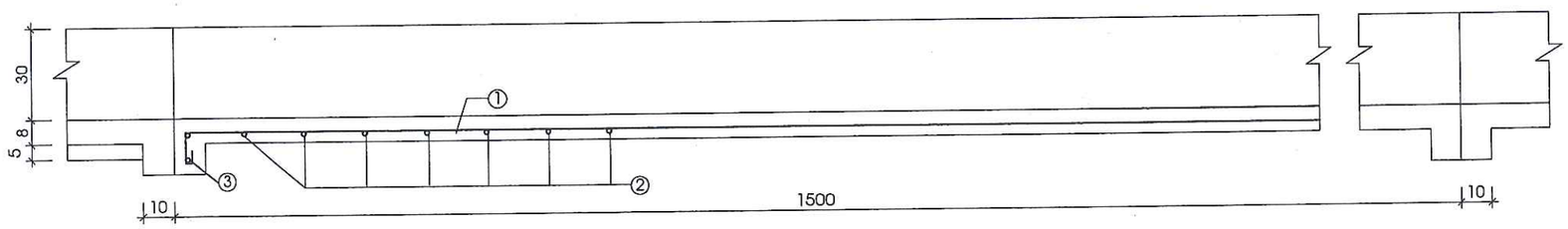

MẶT BẰNG KÊNH ĐẠI DIỆN
Tỷ lệ :1/20

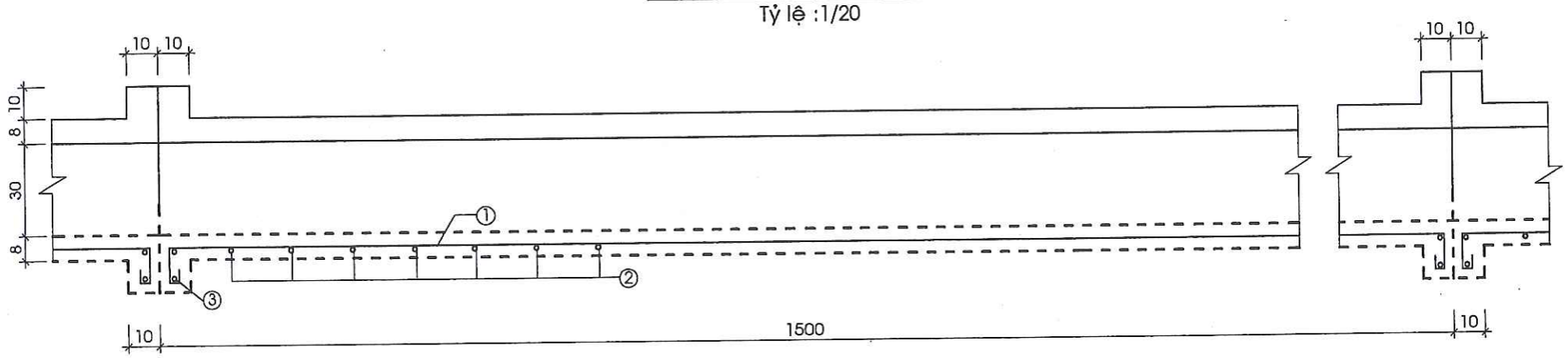

BẢNG THỐNG KÊ THÉP

TT	HÌNH DẠNG THÉP	Ø (mm)	n (thanh)	l (cm)	Σ L (m)	Σ G (kg)	K.L1 ĐOẠN 15M B*H=30*30
①	10 [5 1494 5] 10	Ø6	8	1524.0	121.9	27.1	Σ Ø6=27.1 (kg) Σ Ø8=35.4 (kg)
②	32 [5 40 5] 32	Ø8	76	114	86.6	34.2	
③	42 [5 60 5] 42	Ø8	2	154	3.1	1.2	

THÉP KÊNH 40*30
Tỷ lệ : 1/20

(KHÔNG GIẰNG)

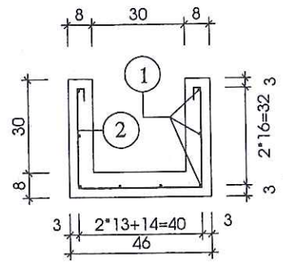

(KHỚP NỐI)

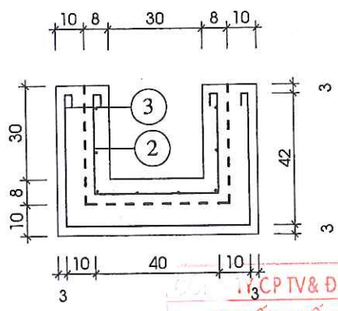

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊ

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../.....

Ngày .....tháng .... năm ....

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

KHỚP NỐI MC (40*30)
Tỷ lệ : 1/20

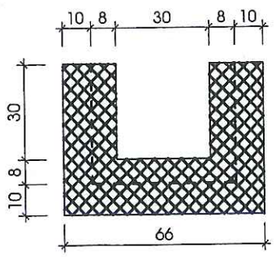

Ghi chú: Cao trình ghi m
Kích thước ghi cm

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHẦN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY BỐ TRÍ THÉP KÊNH B*H=40*30 (CM)	TK-BVTC	NĂM 2026	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG
	NO: TK- H - 03	TL	CNCT: THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN ĐỨC

MINH PHÚ COMPANY

BỂ TIÊU NĂNG VỊ TRÍ H13

MẶT BẰNG

Tỷ lệ: 1/50

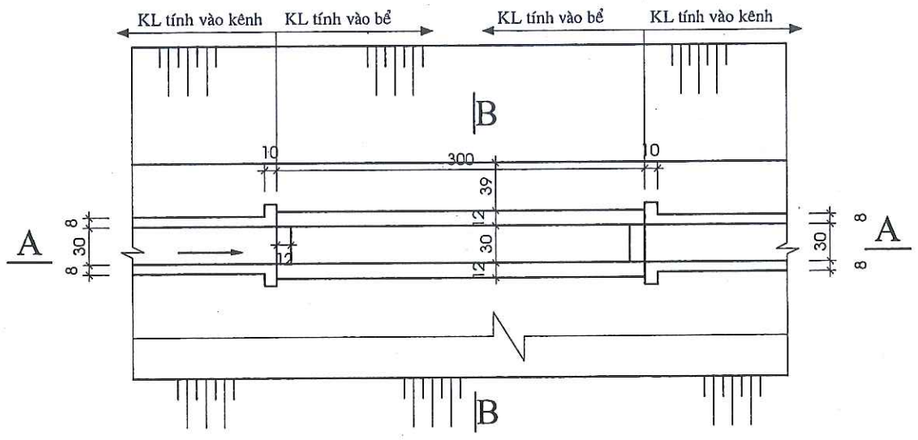

A - A

Tỷ lệ: 1/50

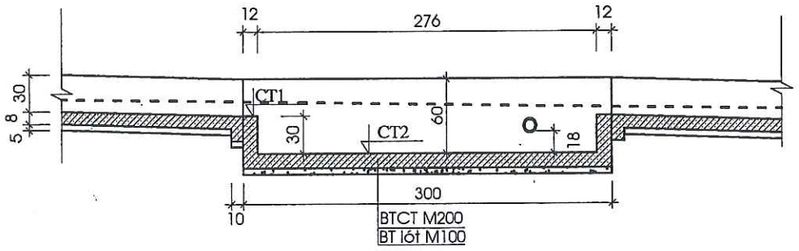

B - B

Tỷ lệ: 1/50

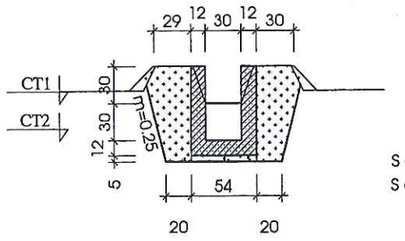

S đào = 0.74 m2
S đắp = 0.47 m2

CỐT THÉP BẢN ĐÁY BỂ

Tỷ lệ: 1/50

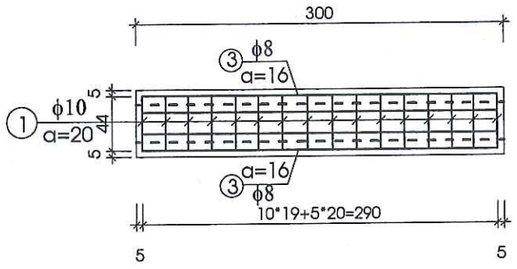

C - C

Tỷ lệ: 1/20

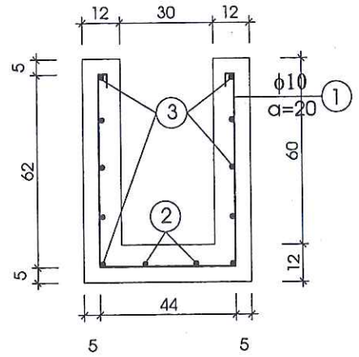

CẮT DỌC ĐÁY BỂ

Tỷ lệ: 1/50

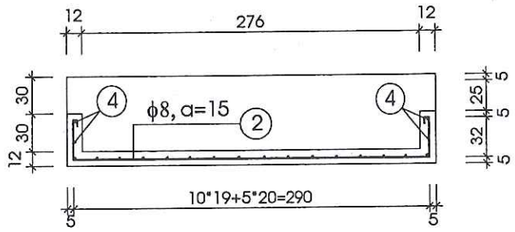

CỐT THÉP THÀNH BỂ

Tỷ lệ: 1/50

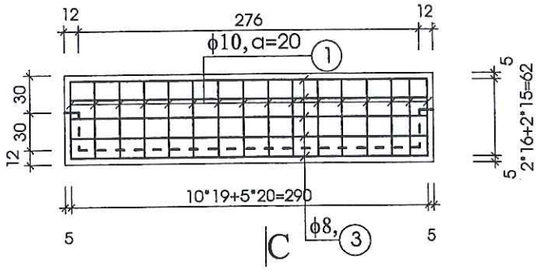

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

STT	Hình dạng	ϕ (mm)	n (thanh)	L (cm)	ΣL (m)	ΣG (Kg)	Ghi chú
①	62, 17, 44, 7, 62	10	16	182	29.12	17.96	Thép 1 bể TN Σϕ10 = 17.96 kg Σϕ8 = 15.72 kg
②	32, 15, 290, 5, 32	8	2	364	7.28	2.87	
③	5, 290, 5	8	10	300	30.00	11.84	
④	5, 54, 5	8	4	64	2.56	1.01	

BẢNG THỐNG KÊ VỊ TRÍ

STT	Vị trí	CT1	CT2
1	H13	232.98	232.68

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỌ
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../.....
ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC	
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHẢN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY BỂ TIÊU NĂNG 30X30CM	TK-BVTC	NĂM 2026	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC	MINH PHÚ COMPANY
	NO: TK- H - 04	TL					

Ghi chú: Cao trình ghi m
Kích thước ghi cm

CẮT DỌC NHÁNH T

Tỷ lệ: X= 1/1000; Y=1/500

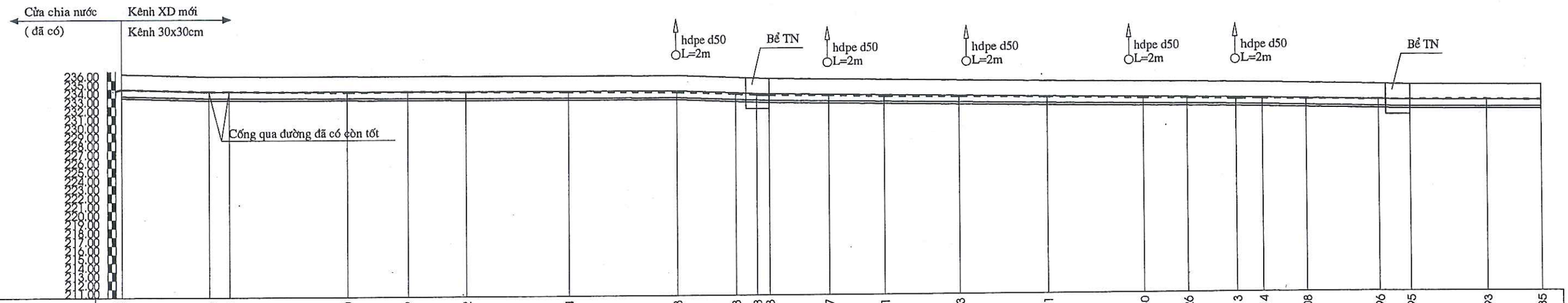

| | | |

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

Cọc:T1
Lý trình:0+1.36

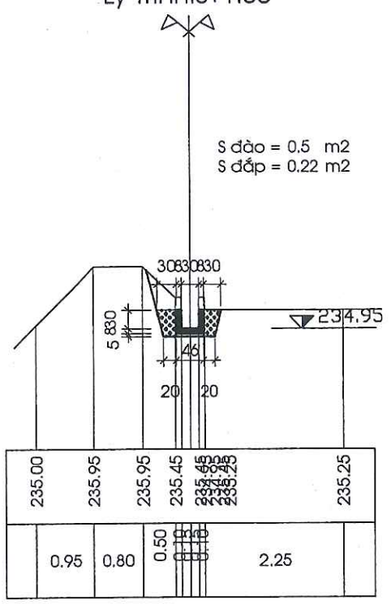

Cọc:T2
Lý trình:0+21.80

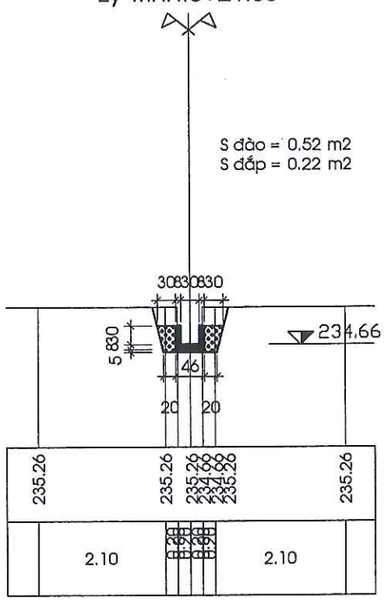

Cọc:T3
Lý trình:0+26.46

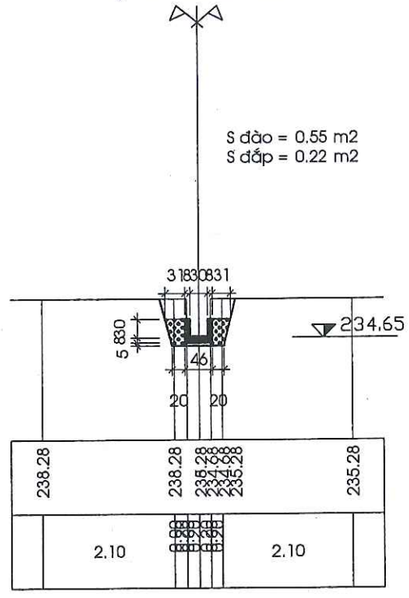

Cọc:T4
Lý trình:0+53.87

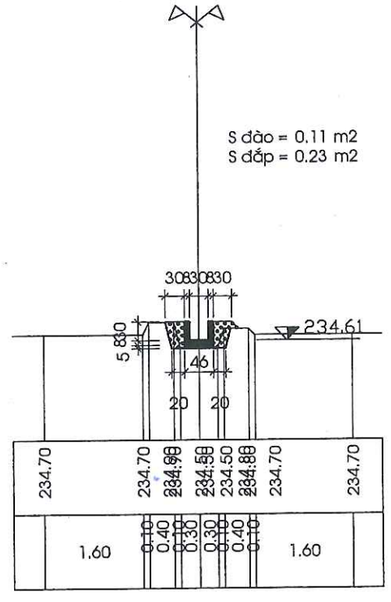

Cọc:T5
Lý trình:0+67.77

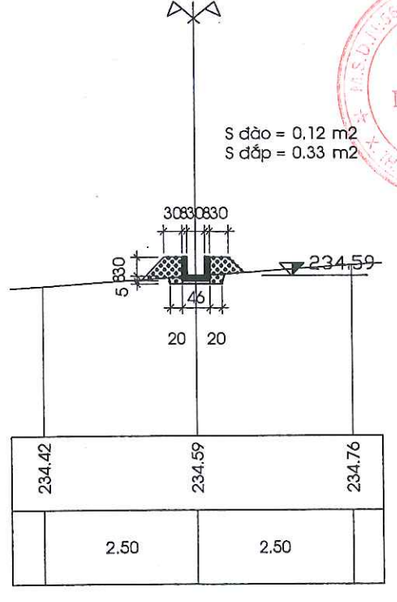

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

Cọc:T6
Lý trình:0+81.26

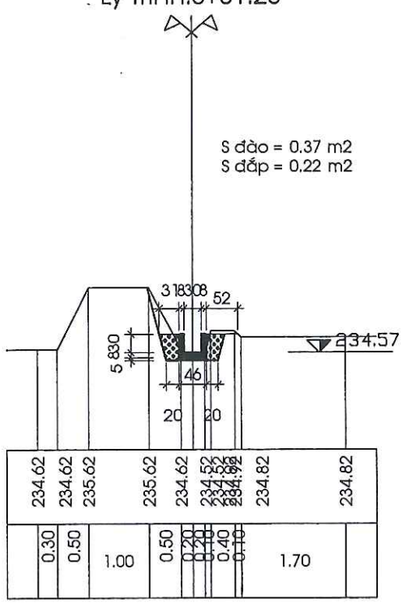

Cọc:T7
Lý trình:0+105.08

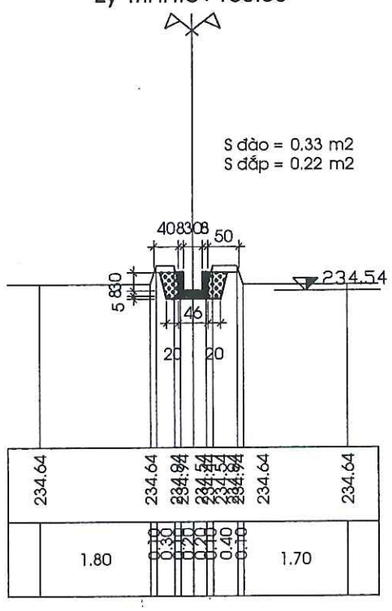

Cọc:T8
Lý trình:0+129.86

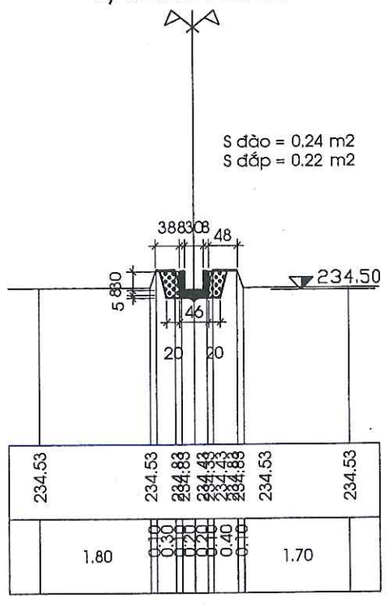

...TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊ
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../.....
Ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

Cọc:T9
Lý trình:0+143.75

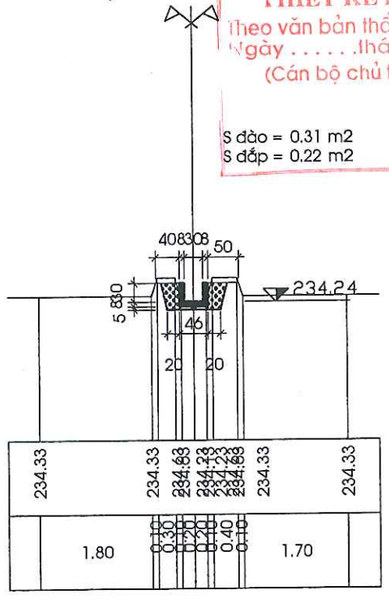

Cọc:T10
Lý trình:0+148.66

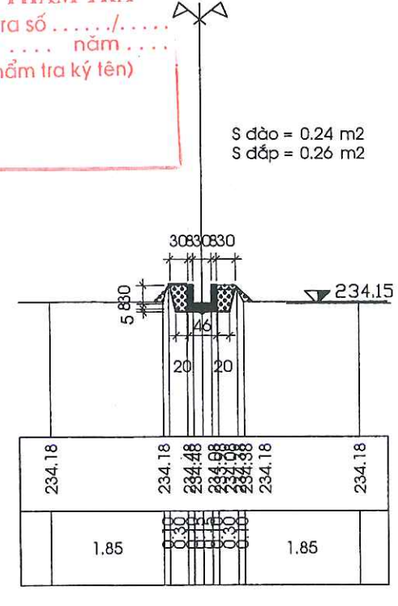

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

Cọc:T11
Lý trình:0+151.48

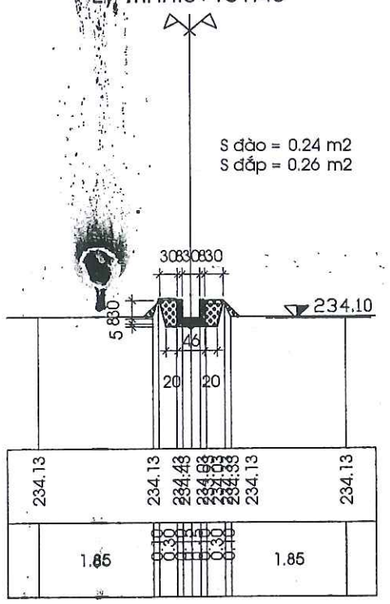

Cọc:T12
Lý trình:0+164.98

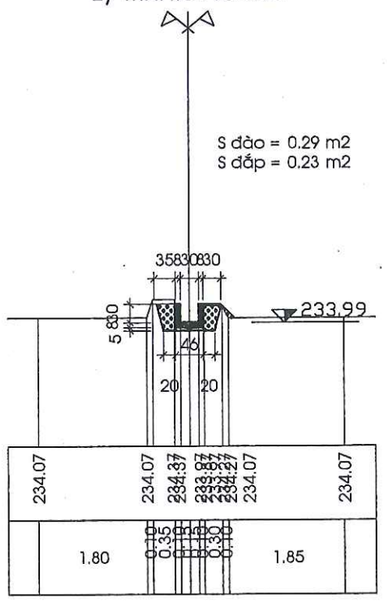

Cọc:T13
Lý trình:0+178.02

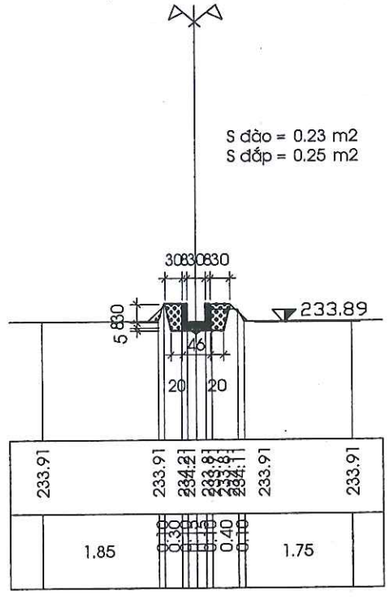

Cọc:T14
Lý trình:0+195.53

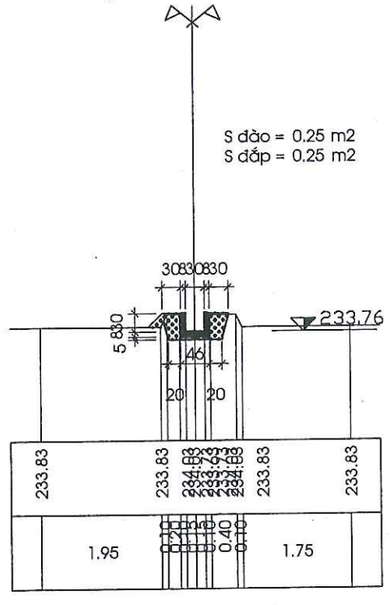

Cọc:T15
Lý trình:0+215.72

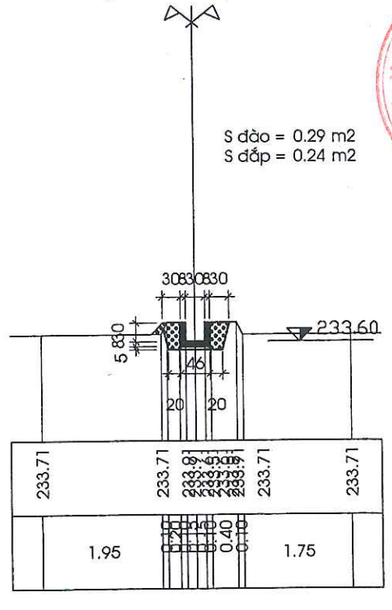

M.S.D.N:5500332848-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN
X. THANH AN - T. ĐIỆN BIÊN

Cọc:T16
Lý trình:0+237.94

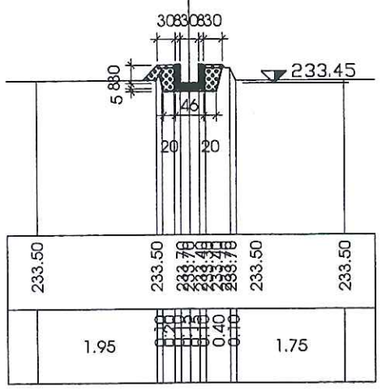

Cọc:T17
Lý trình:0+248.11

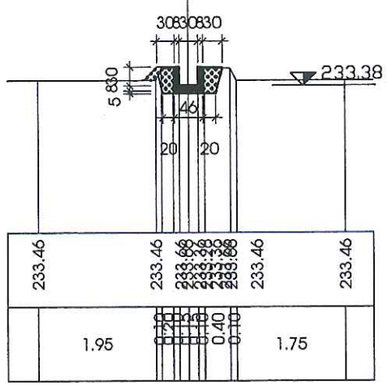

Cọc:T18
Lý trình:0+259.47

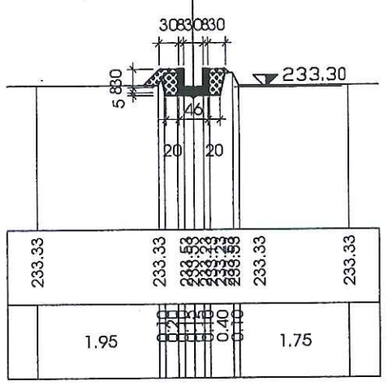

Cọc:T19
Lý trình:0+265.36

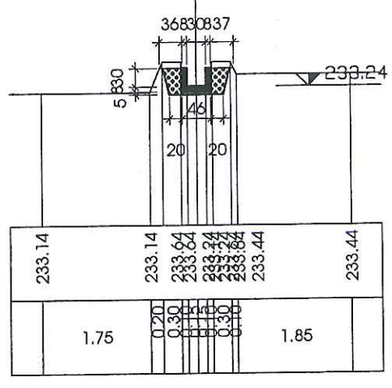

Cọc:T20
Lý trình:0+275.58

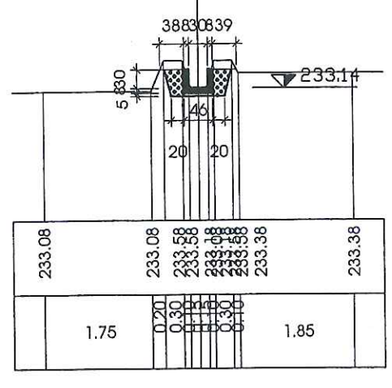

TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỌ
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Văn bản thẩm tra số ...../.....
ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

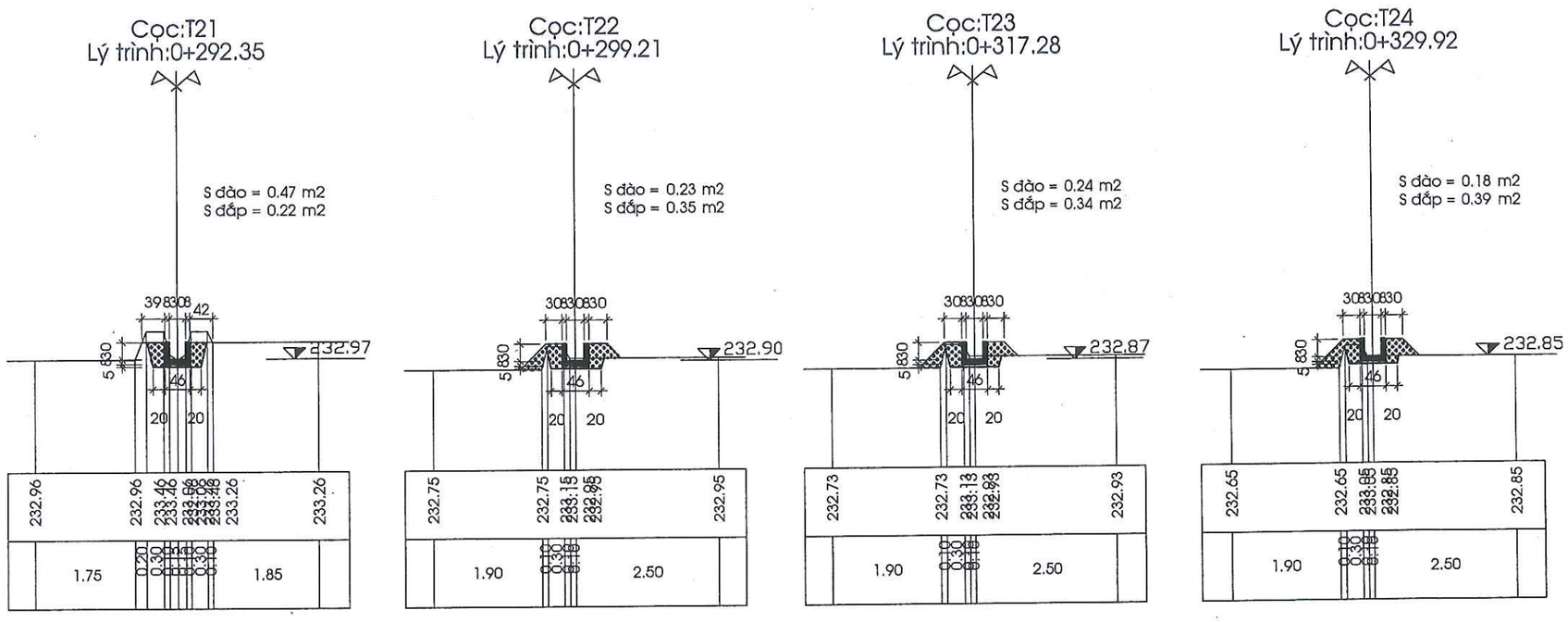

CẮT NGANG KÊNH

Tỷ lệ : 1/50

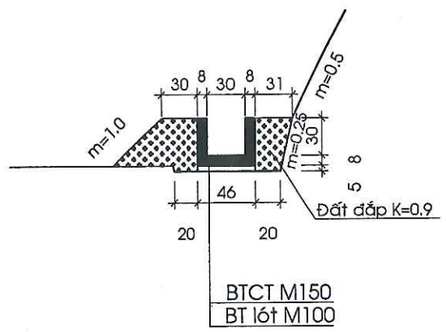

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊ

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../.....

Ngày .....tháng .... năm ....

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC	MINH PHÚ COMPANY
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHẦN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY CẮT NGANG NHÁNH T	TK-BVTC	NĂM 2026	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC	
	NO: TK- T - 02	TL					

BỐ TRÍ THÉP KÊNH B*H=30*30 (CM)

CẮT DỌC KÊNH ĐẠI DIỆN
Tỷ lệ :1/20

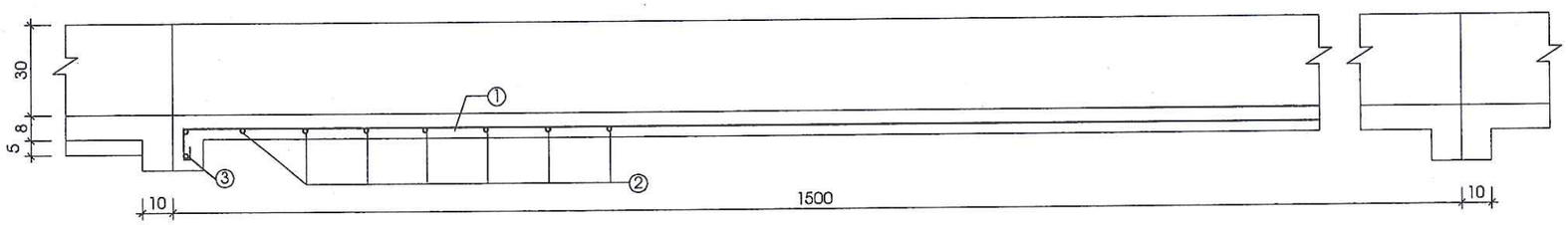

MẶT BẰNG KÊNH ĐẠI DIỆN
Tỷ lệ :1/20

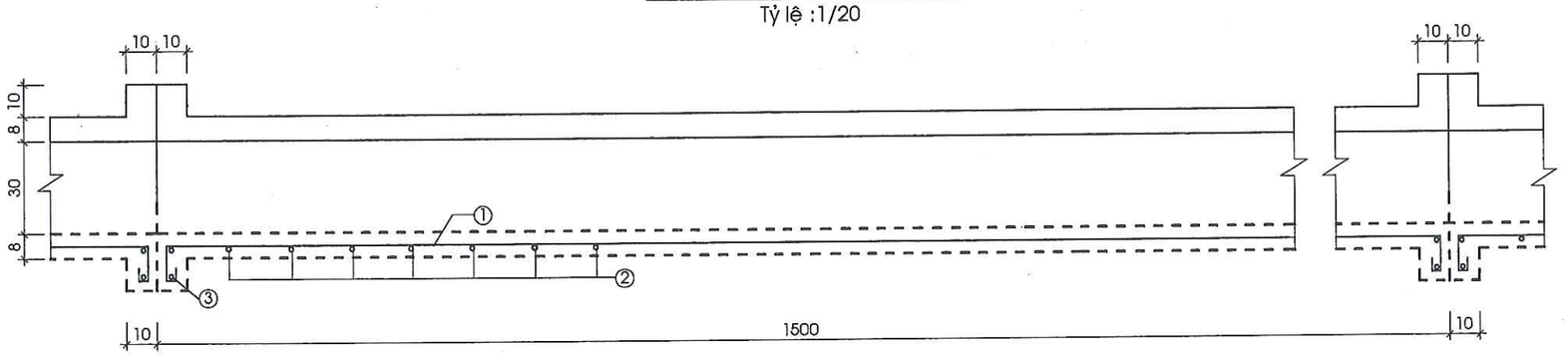

BẢNG THỐNG KÊ THÉP

TT	HÌNH DẠNG THÉP	Ø (mm)	n (thanh)	l (cm)	Σ L (m)	Σ G (kg)	K.L1 ĐOẠN 15M B*H=30*30
①	10 [5 1494 5] 10	Ø6	8	1524.0	121.9	27.1	Σ Ø6=27.1 (kg) Σ Ø8=35.4 (kg)
②	32 [5 40 5] 32	Ø8	76	114	86.6	34.2	
③	42 [5 60 5] 42	Ø8	2	154	3.1	1.2	

THÉP KÊNH 40*30
Tỷ lệ : 1/20

(KHÔNG GIẰNG)

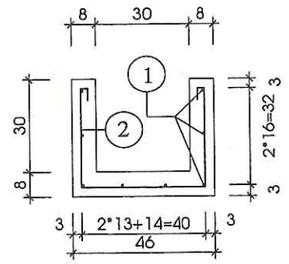

(KHỚP NỐI)

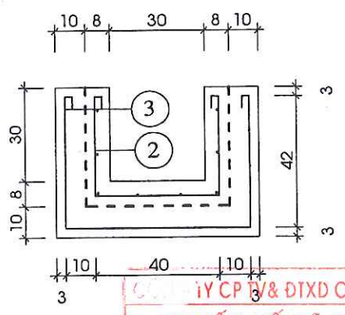

TY CP T/V & ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊ

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../.....

Ngày .....tháng .... năm ....

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

KHỚP NỐI MC (40*30)
Tỷ lệ : 1/20

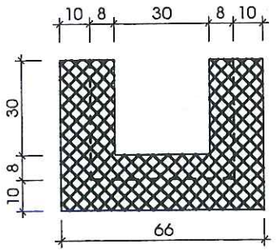

Ghi chú: Cao trình ghi m

Kích thước ghi cm

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHÁN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY BỐ TRÍ THÉP KÊNH B*H=40*30 (CM)	TK-BVTC	NĂM 2026	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG
	NO: TK- T - 03	TL	CNCT: THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN ĐỨC

MINH PHÚ COMPANY

BỂ TIÊU NĂNG VỊ TRÍ H13

MẶT BẰNG

Tỷ lệ: 1/50

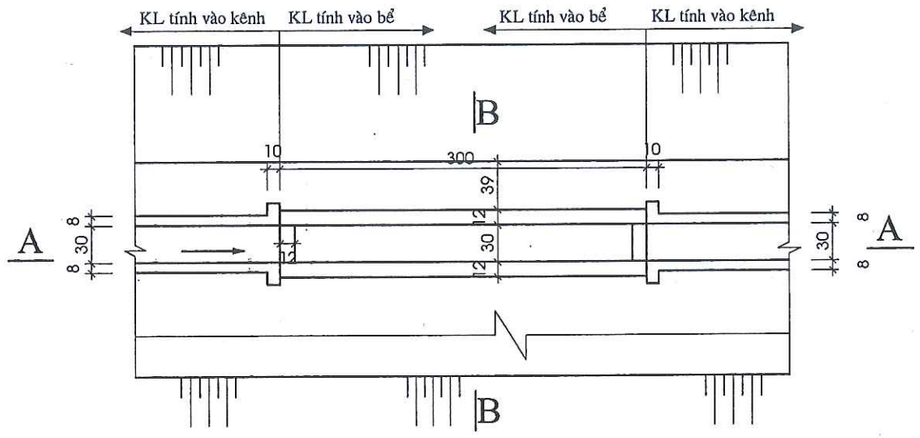

A - A

Tỷ lệ: 1/50

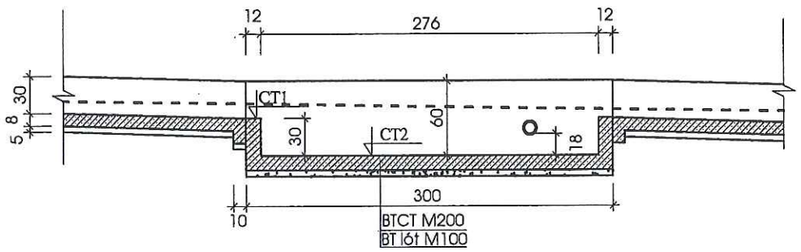

B - B

Tỷ lệ: 1/50

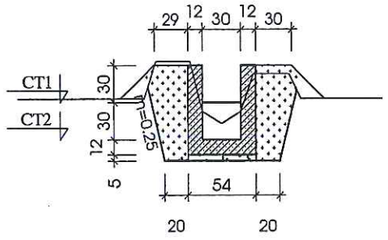

S đào = 0.67 m2
S đắp = 0.49 m2

CỐT THÉP BẢN ĐÁY BỂ

Tỷ lệ: 1/50

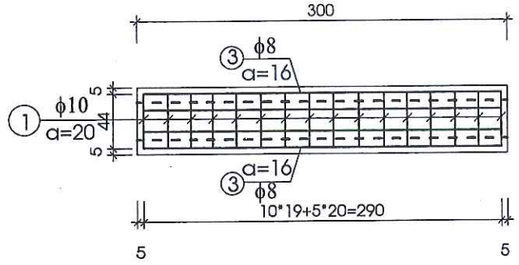

C - C

Tỷ lệ: 1/20

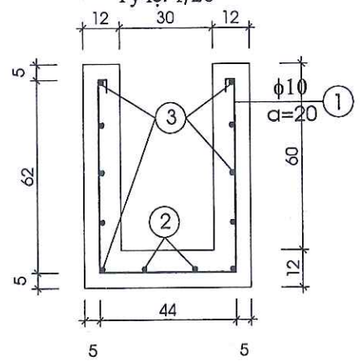

CẮT DỌC ĐÁY BỂ

Tỷ lệ: 1/50

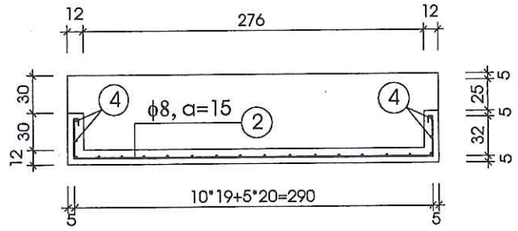

CỐT THÉP THÀNH BỂ

Tỷ lệ: 1/50

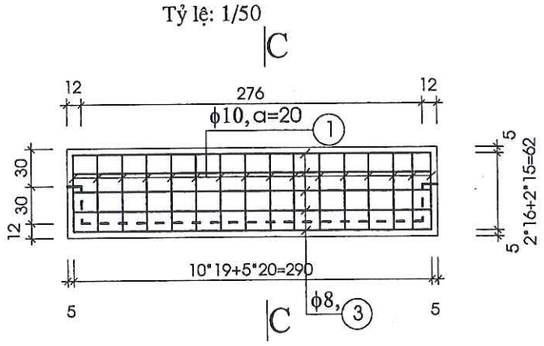

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

STT	Hình dạng	ϕ (mm)	n (thanh)	L (cm)	ΣL (m)	ΣG (Kg)	Ghi chú
①	62, 17, 44, 7, 62	10	16	182	29.12	17.96	Thép 1 bể TN Σϕ10 = 17.96 kg Σϕ8 = 15.72 kg
②	32, 15, 290, 5, 32	8	2	364	7.28	2.87	
③	5, 290, 5	8	10	300	30.00	11.84	
④	5, 54, 5	8	4	64	2.56	1.01	

BẢNG THỐNG KÊ VỊ TRÍ

STT	Vị trí	CT1	CT2
1	T11	234.1	233.80
2	T22	232.9	232.60

Ghi chú: Cao trình ghi m
Kích thước ghi cm
Đất đắp K=0.9

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../....
ngày .....tháng .... năm ...
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC	
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHÁN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY BỂ TIÊU NĂNG 30X30CM	TK-BVTC	NĂM 2026	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC	MINH PHÚ COMPANY
	NO: TK- T - 04	TL					

CẮT DỌC NHÁNH K

Tỷ lệ: X= 1/1000; Y=1/500

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊ

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số ...../.....

Ngày .....tháng .... năm ....

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

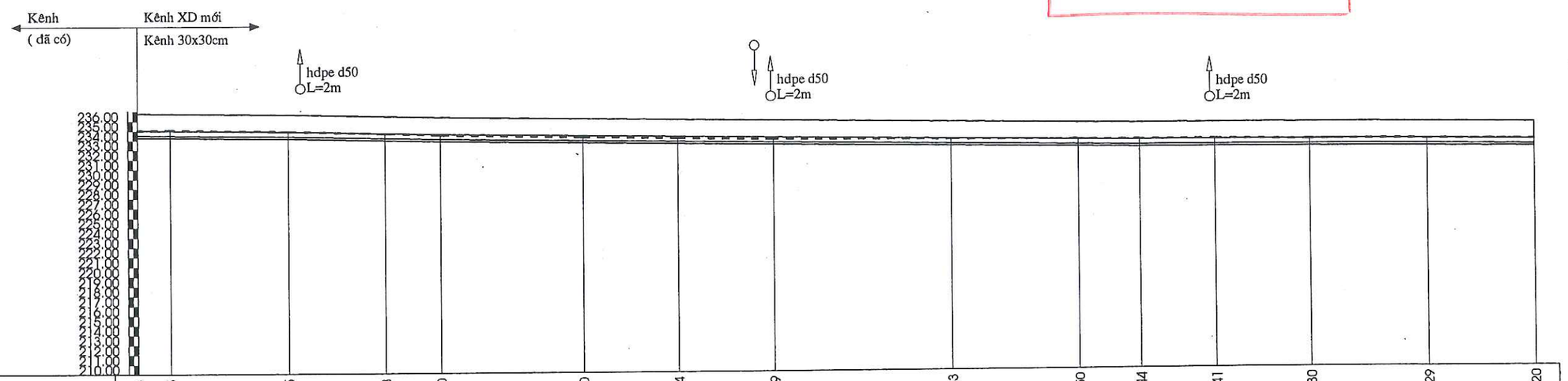

| | | |

CẮT DỌC NHÁNH K

Tỷ lệ: X= 1/1000; Y=1/500

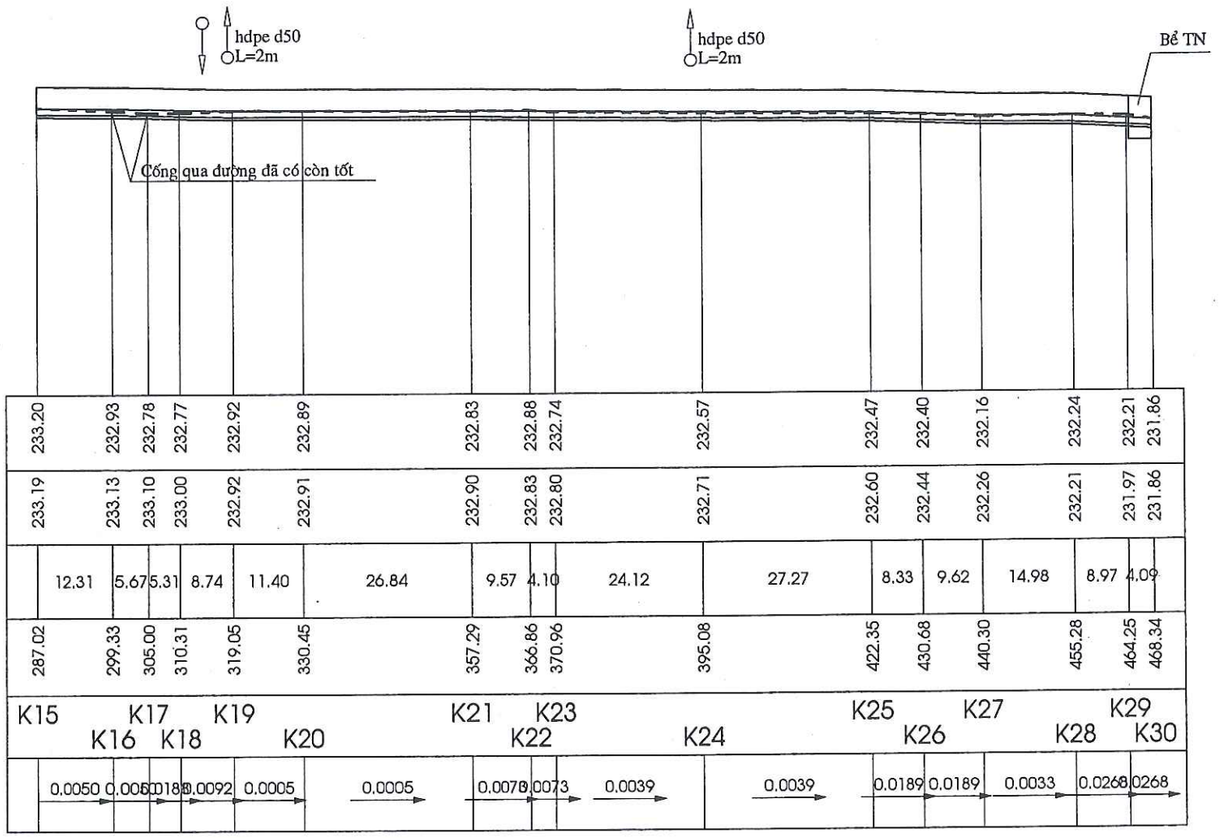

TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊ...

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

heo văn bản thẩm tra số ...../.....

gày .....tháng ..... năm .....

(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHÁN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY CẮT DỌC NHÁNH K	TK-BVTC	NĂM 2026				
	NO: TK- K - 01	TL	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC

MINH PHÚ COMPANY

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

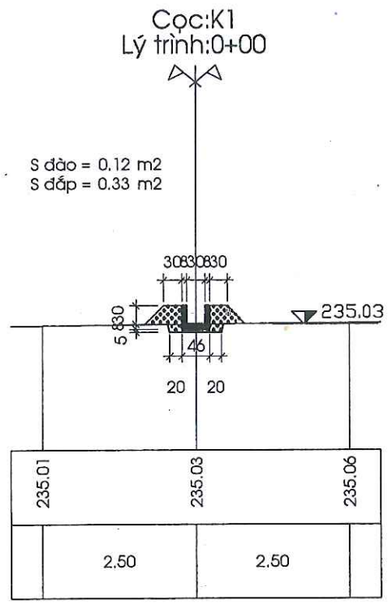

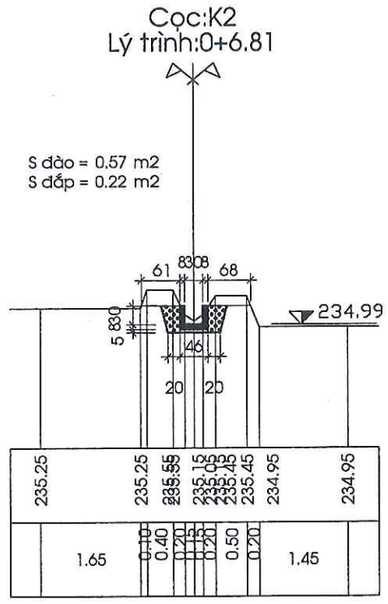

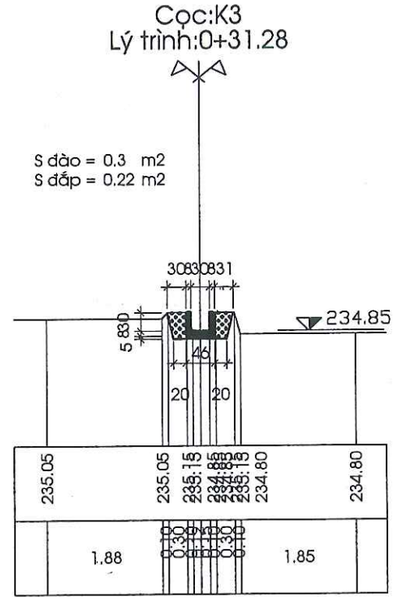

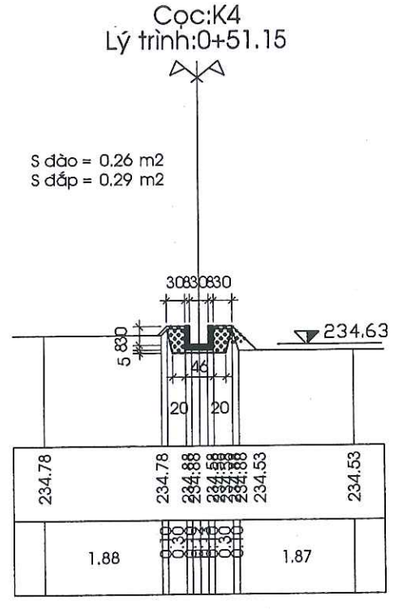

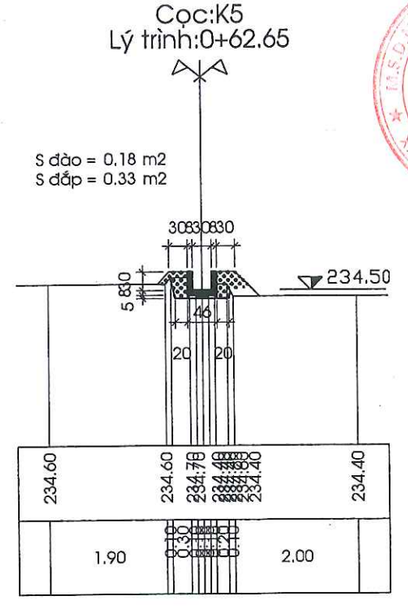

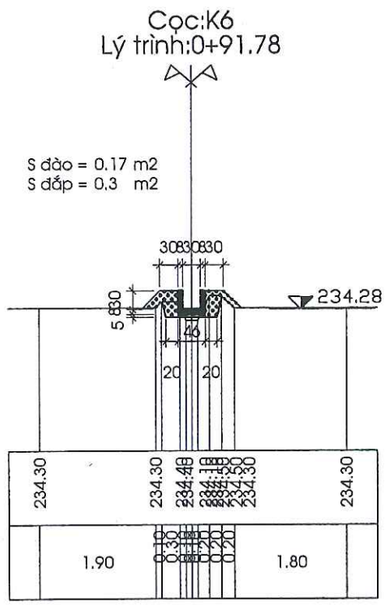

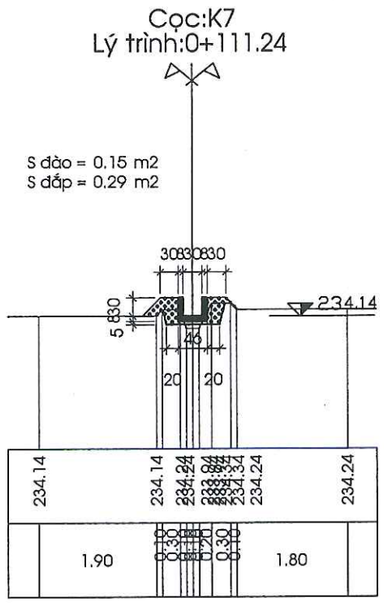

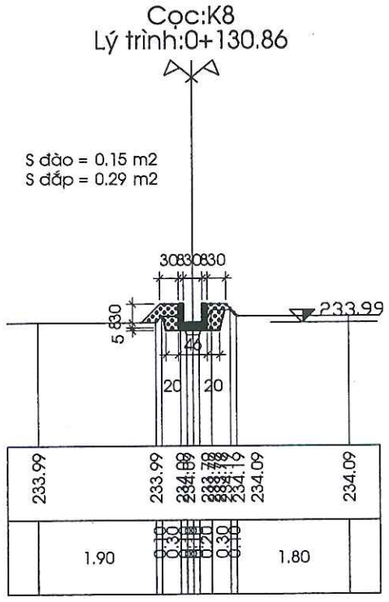

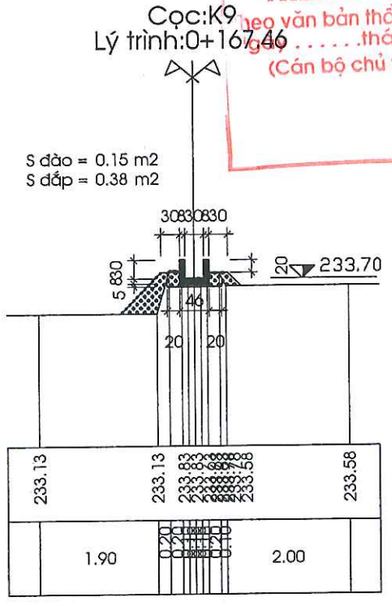

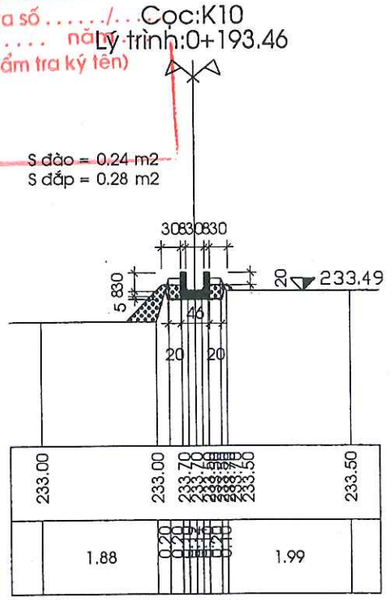

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊ.
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../... ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

Cọc:K11
Lý trình:0+206.12

S đào = 0.26 m2
S đắp = 0.27 m2

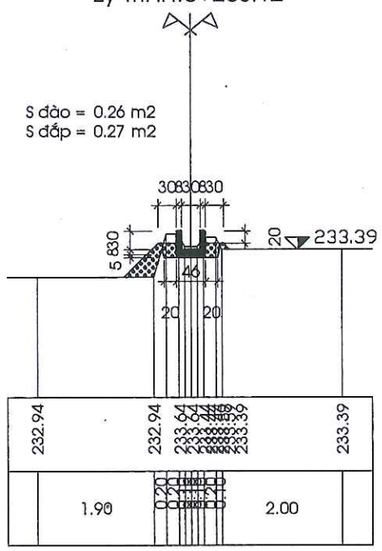

Cọc:K12
Lý trình:0+221.48

S đào = 0.28 m2
S đắp = 0.19 m2

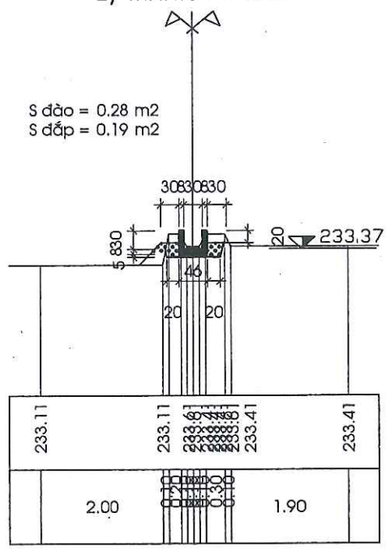

Cọc:K13
Lý trình:0+240.83

S đào = 0.2 m2
S đắp = 0.23 m2

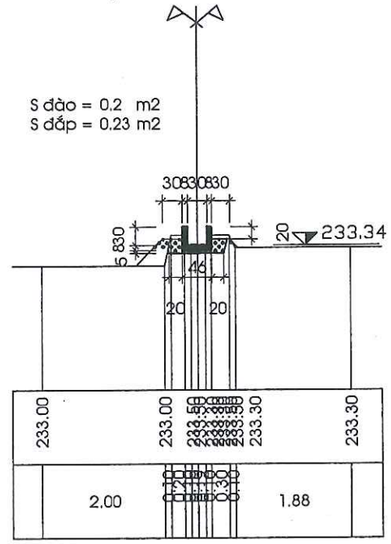

Cọc:K14
Lý trình:0+265.30

S đào = 0.25 m2
S đắp = 0.25 m2

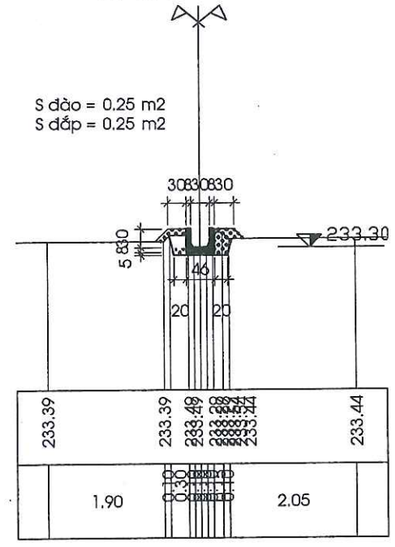

Cọc:K15
Lý trình:0+287.02

S đào = 0.27 m2
S đắp = 0.25 m2

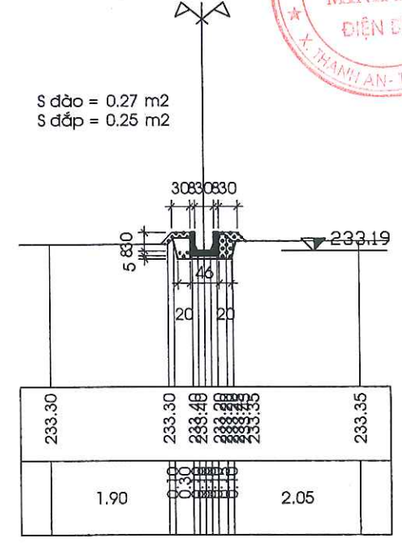

Cọc:K16
Lý trình:0+299.33

S đào = 0.04 m2
S đắp = 0.25 m2

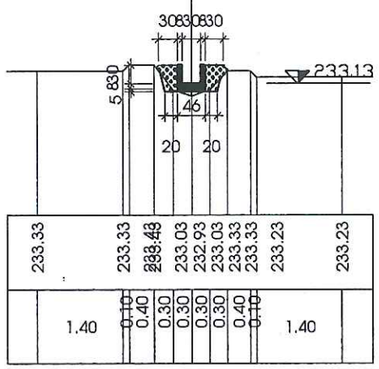

Cọc:K17
Lý trình:0+305

S đào = 0 m2
S đắp = 0.42 m2

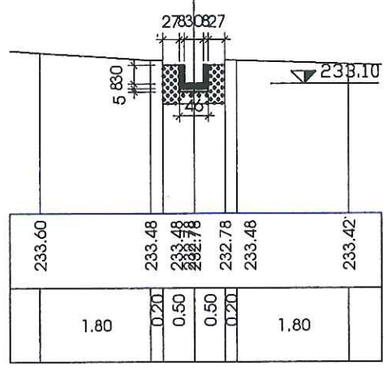

Cọc:K18
Lý trình:0+310.31

S đào = 0 m2
S đắp = 0.33 m2

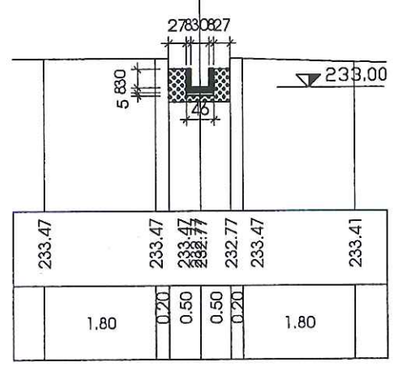

Cọc:K19
Lý trình:0+319.05

S đào = 0.19 m2
S đắp = 0.26 m2

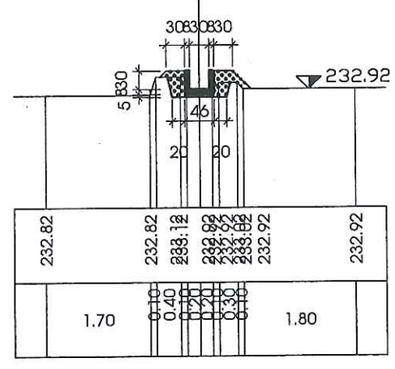

Cọc:K20
Lý trình:0+330.45

S đào = 0.21 m2
S đắp = 0.27 m2

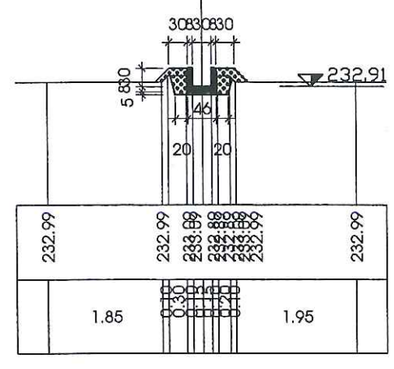

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊA
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../..... năm
ngày ... tháng ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

CÔNG TY TNHH MINH PHÚ ĐIỆN BIÊN

CẮT NGANG TUYẾN DẪN

Tỷ lệ: 1/100

Cọc:K21
Lý trình:0+357.29

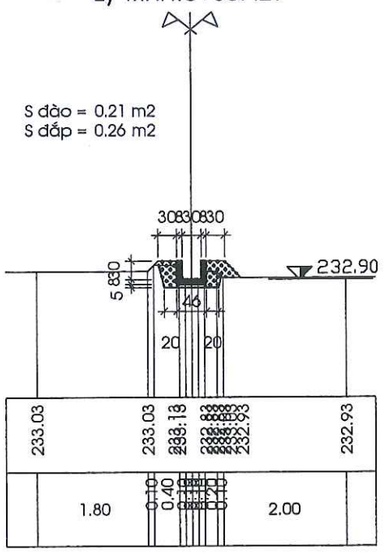

Cọc:K22
Lý trình:0+366.86

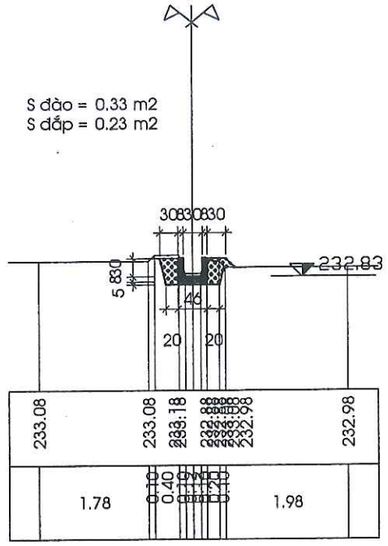

Cọc:K23
Lý trình:0+370.96

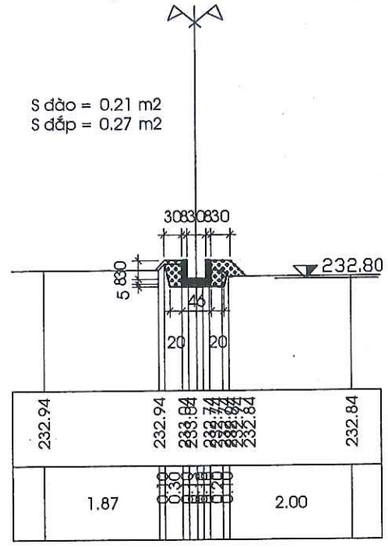

Cọc:K24
Lý trình:0+395.08

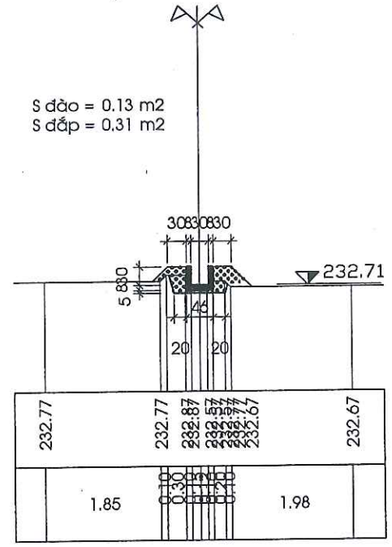

Cọc:K25
Lý trình:0+422.35

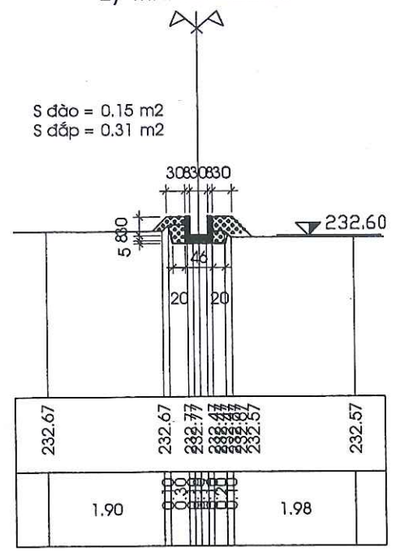

Cọc:K26
Lý trình:0+430.68

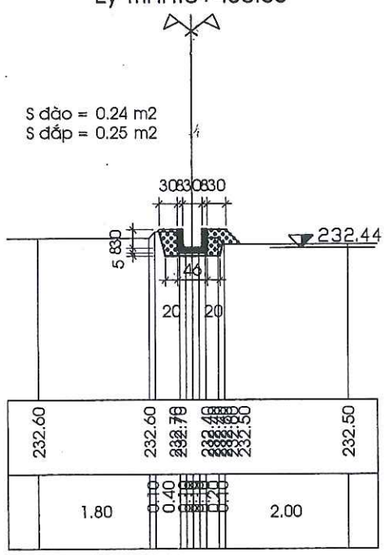

Cọc:K27
Lý trình:0+440.30

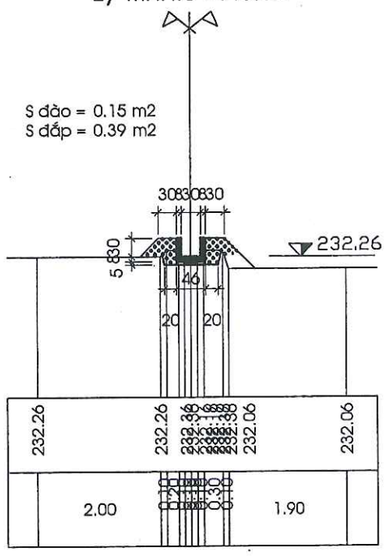

Cọc:K28
Lý trình:0+455.28

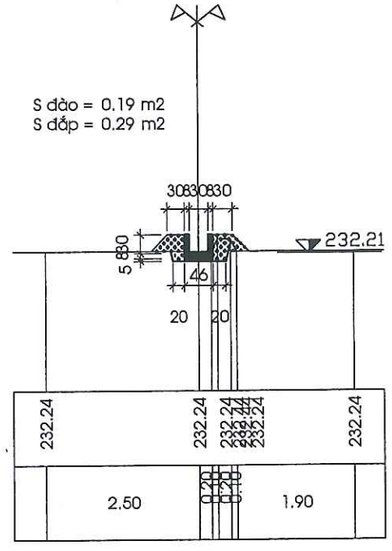

Cọc:K29
Lý trình:0+464.25

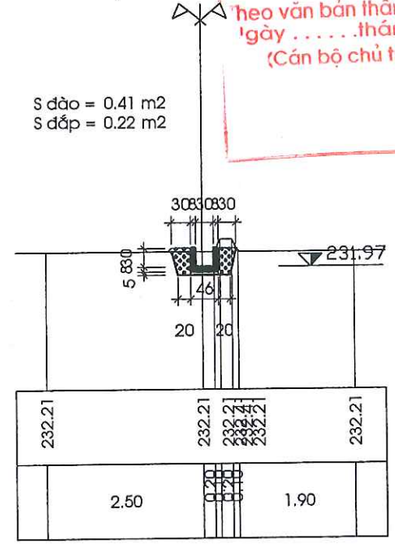

Cọc:K30
Lý trình:0+468.34

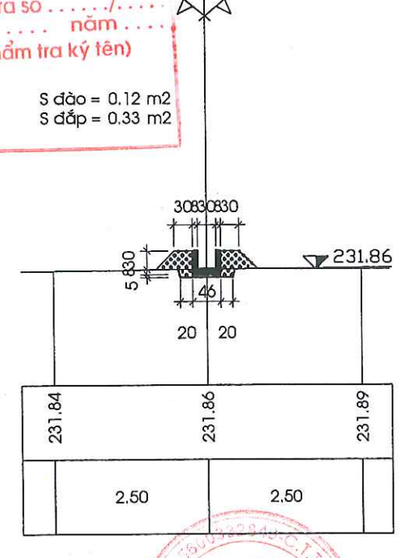

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊNH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
(Theo văn bản thẩm tra số ...../.....
Ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC	
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHÁN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY CẮT NGANG NHÁNH K	TK-BVTC	NĂM 2026	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC	MINH PHÚ COMPANY
	NO: TK- K - 02	TL					

BỐ TRÍ THÉP KÊNH B*H=30*30 (CM)

CẮT DỌC KÊNH ĐẠI DIỆN
Tỷ lệ :1/20

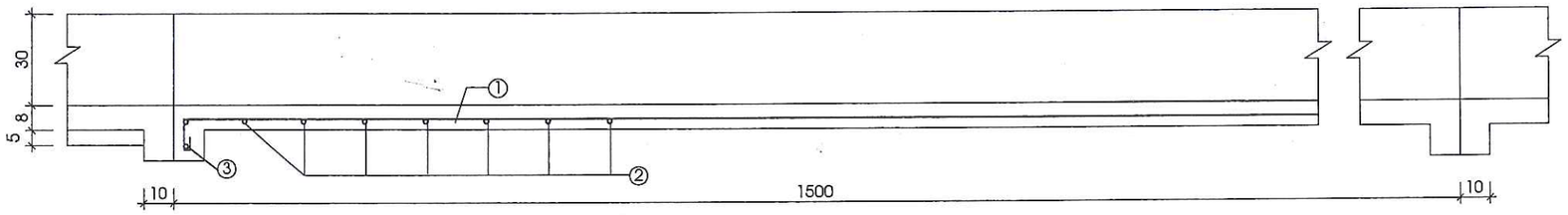

MẶT BẰNG KÊNH ĐẠI DIỆN
Tỷ lệ :1/20

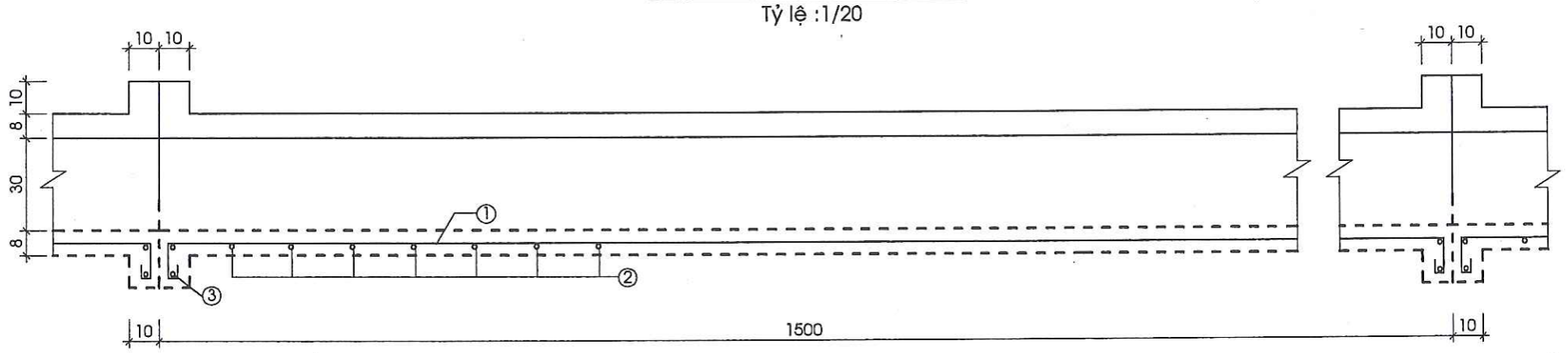

THÉP KÊNH 40*30
Tỷ lệ : 1/20

(KHÔNG GIẰNG)

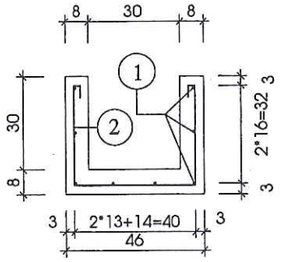

(KHỚP NỐI)

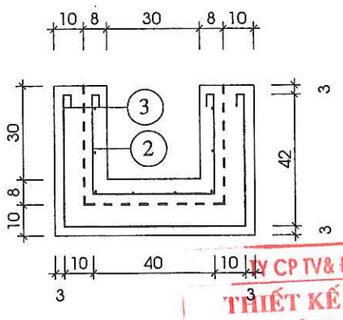

BẢNG THỐNG KÊ THÉP

TT	HÌNH DẠNG THÉP	Ø (mm)	n (thanh)	l (cm)	Σ L (m)	Σ G (kg)	K.L1 ĐOẠN 15M B*H=30*30
①	10 5 1494 5 10	Ø6	8	1524.0	121.9	27.1	
②	32 5 5 40 32	Ø8	76	114	86.6	34.2	Σ Ø6=27.1 (kg) Σ Ø8=35.4 (kg)
③	42 5 5 60 42	Ø8	2	154	3.1	1.2	

KHỚP NỐI MC (40*30)
Tỷ lệ : 1/20

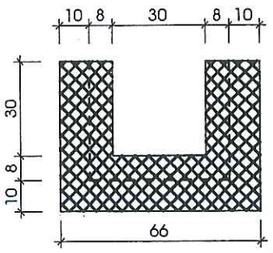

Ghi chú: Cao trình ghi m
Kích thước ghi cm

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊ...
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../.....
Ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC	MINH PHÚ COMPANY
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHÁN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY BỐ TRÍ THÉP KÊNH B*H=40*30 (CM)	TK-BVTC	NĂM 2026	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC	
	NO: TK- K - 03	TL					

BỂ TIÊU NĂNG VỊ TRÍ H13

MẶT BẰNG

Tỷ lệ: 1/50

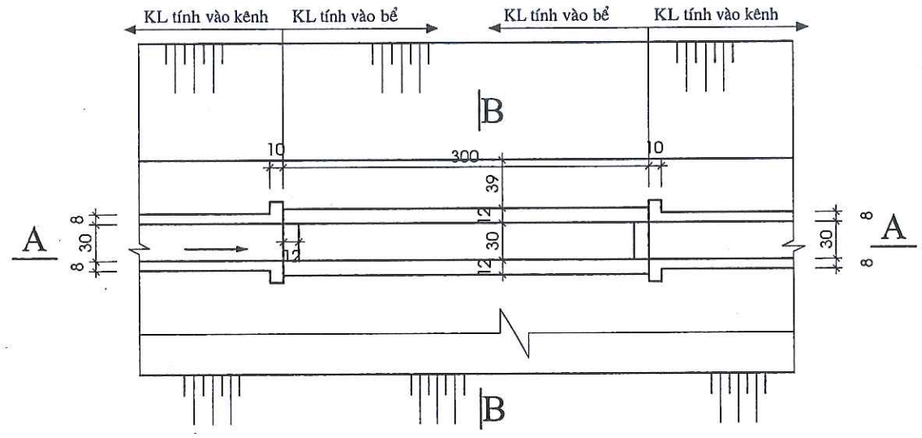

A - A

Tỷ lệ: 1/50

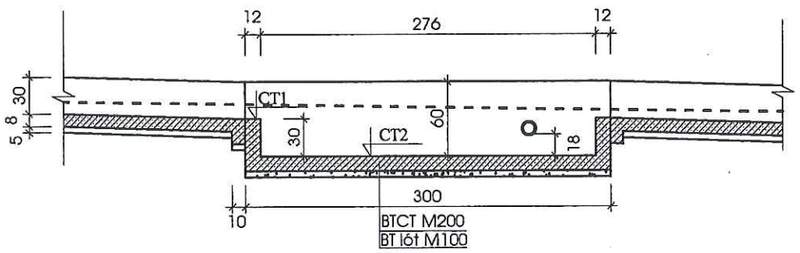

B - B

Tỷ lệ: 1/50

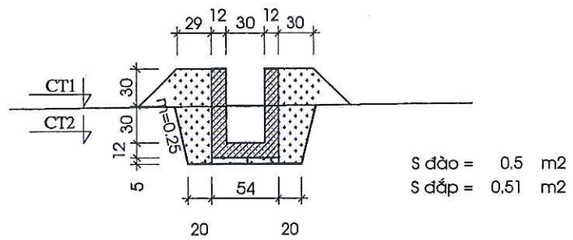

S đào = 0.5 m2
S đắp = 0,51 m2

CỐT THÉP BẢN ĐÁY BỂ

Tỷ lệ: 1/50

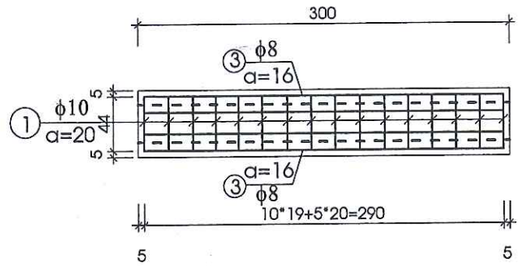

C - C

Tỷ lệ: 1/20

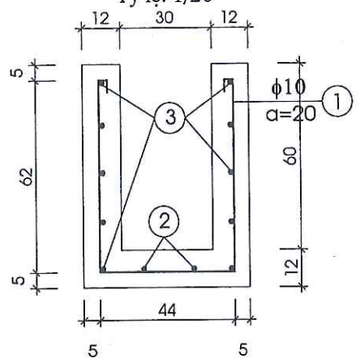

CẮT DỌC ĐÁY BỂ

Tỷ lệ: 1/50

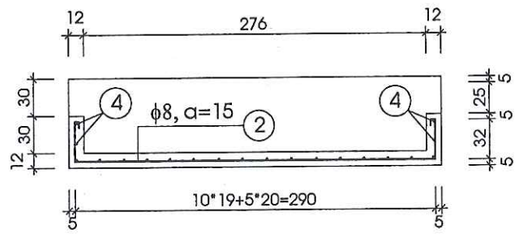

CỐT THÉP THÀNH BỂ

Tỷ lệ: 1/50

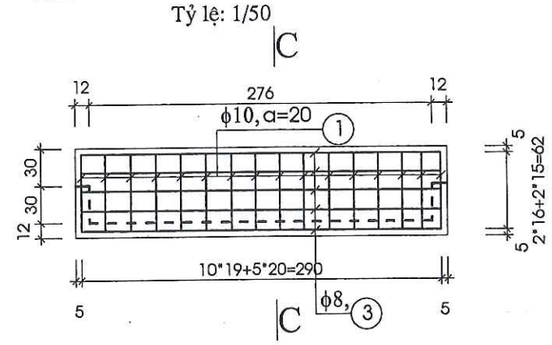

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

STT	Hình dạng	ϕ (mm)	n (thanh)	L (cm)	ΣL (m)	ΣG (Kg)	Ghi chú
①	62, 17, 44, 7, 62	10	16	182	29.12	17.96	Thép 1 bể TN Σϕ10 = 17.96 kg Σϕ8 = 15.72 kg
②	32, 15, 290, 5, 32	8	2	364	7.28	2.87	
③	5, 290, 5	8	10	300	30.00	11.84	
④	5, 54, 5	8	4	64	2.56	1.01	

CÔNG TY CP TV& ĐTXD CƯỜNG PHÚ THỊ.
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...../.....
Ngày .....tháng .... năm ....
(Cán bộ chủ trì thẩm tra ký tên)

BẢNG THỐNG KÊ VỊ TRÍ

STT	Vị trí	CT1	CT2
1	T11	234.1	233.80
2	T22	232.9	232.60

Ghi chú: Cao trình ghi m
Kích thước ghi cm
Đất đắp K=0.9

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG LAY - PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỈNH ĐIỆN BIÊN	PHƯỜNG MƯỜNG LAY	THIẾT KẾ	KCS	CNCT	GIÁM ĐỐC	MINH PHÚ COMPANY
CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI HUỔI PHẦN, PHƯỜNG MƯỜNG LAY BỂ TIÊU NĂNG 30X30CM	TK-BVTC	NĂM 2026	KS.GIÀNG A THÁNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	THS. LÊ ĐÌNH HÙNG	NGUYỄN VĂN ĐỨC	
	NO: TK- K - 04	TL					